

PHẦN BỐN

4.3. Phần Lưu Thông

(Giải) Tín nguyện trì danh nhất pháp, viên thâm, viên siêu nhất thiết Pháp Môn. Thụ dữ nhất thiết Pháp Môn hồn đồng. Hoàn dữ nhất thiết Pháp Môn huýnh dị, ký vô vấn tự thuyết, thù kham xướng mộ lưu thông. Duy Phật dữ Phật, nãi năng cứu tận chư pháp Thật Tướng. Thử Kinh duy Phật cảnh giới, duy Phật Phật khả dữ lưu thông nhĩ.

(Giải: Một pháp tín nguyện trì danh gồm thâm trọn vẹn và vượt trội trọn vẹn hết thảy Pháp Môn. Theo chiều dọc, nó giống như những Pháp Môn khác. Theo chiều ngang, pháp này hoàn toàn khác với hết thảy các Pháp Môn, đã do Đức Phật không ai hỏi mà tự nói thì ai mới có thể đề xướng, lưu thông? Chỉ có Phật và Phật mới có thể thấu hiểu cùng tận Thật Tướng của các pháp. Kinh này chỉ là cảnh giới Phật, chỉ có Phật và Phật mới có thể lưu thông mà thôi).

Đại Sư phân chia khoa mục của Kinh này khác với cách phân chia của Cổ Đức. Ngài xếp đoạn “sáu phương Phật” vào phần Lưu Thông, những vị khác đều xếp đoạn này vào phần Chánh Tông. Vì sao Ngài chia như thế, Đại Sư đã giảng rõ, chúng ta hãy đọc đoạn

chú giải này. “Tín nguyện trì danh nhất pháp, viên thâm viên siêu nhất thiết Pháp Môn” (Một pháp tín nguyện trì danh gồm thâm trọn vẹn và vượt trội trọn vẹn hết thảy Pháp Môn). “Viên thâm” (gồm thâm trọn vẹn) tức là luận định Kinh này theo chiều dọc, từ cạn đến sâu thì Kinh này giống với hết thảy các Kinh khác. Hết thảy các Pháp Môn khác đều có thứ tự từ sâu đến cạn, như ba bậc chín phẩm trong bốn cõi, lại còn có Sự Trì và Lý Trì. “Viên siêu” là luận định theo chiều ngang, liễu sanh tử, xuất tam giới, chứng đại Bồ Đề, hoàn toàn khác với hết thảy Pháp Môn. Trong những Pháp Môn khác phải tiến từ từ theo thứ tự: Đoạn Kiến Tư phiền não, nhập dòng Thánh. Đoạn Trần Sa phiền não, đạt đến cảnh giới Bồ Tát. đoạn hết thảy Vô Minh, chứng Pháp Thân Đại Sĩ. Những Kinh Luận thông thường đều nói như thế. còn Kinh này thì không cần đoạn phiền não, chỉ dựa vào tín nguyện trì danh, đời nghiệp Vãng Sanh, vượt khỏi tam giới theo chiều ngang, khác hẳn hết thảy các Pháp Môn khác. Huống chi sanh về Tây Phương Tịnh Độ, tuy có bốn cõi sai biệt, nhưng hễ sanh về một cõi thì hết thảy cõi đều sanh. các Pháp Môn khác chẳng có chuyện này! Kinh này đã là Kinh không ai hỏi mà Phật tự nói thì ai có thể gánh vác sứ mạng đề xướng, truyền thừa, lưu thông? Kinh Di Đà là cảnh giới thuộc quả địa Như Lai, là chân tướng của nhân sinh, Vũ Trụ, chỉ có Chư Phật mới có thể hiểu rõ ràng. Hàng Đẳng Giác Bồ Tát đều không có

năng lực lưu thông. Đối với trách nhiệm lưu thông, chỉ có Phật và Phật mới có thể gánh vác. “Lưu” là lưu truyền muôn đời, “thông” là thông đạt vô ngại.

4.3.1. Phổ khuyến

4.3.1.1. Khuyến tín lưu thông

(Kinh) Xá Lợi Phát! Như ngã kim giả, tán thán A Di Đà Phật, bất khả tư nghị công đức chi lợi.

(Giải) Bất khả tư nghị, lược hữu ngũ ý: Nhất, hoành siêu tam giới, bất sĩ đoạn Hoặc. Nhị, tức Tây Phương hoành cụ tứ độ, phi do tiệm chứng. Tam, dẫn trì danh hiệu, bất giả Thiên Quán chư phương tiện. Tứ, nhất thất vi kỳ, bất tạ đa kiếp, đa sanh, đa niên nguyệt. Ngũ, trì nhất Phật danh, tức vị Chư Phật hộ niệm, bất dị trì nhất thiết Phật danh. Thử giai Đạo Sư đại nguyện hạnh chi sở thành tựu. Cố viết “A Di Đà Phật bất khả tư nghị công đức chi lợi”.

(Chánh Kinh: Này Xá Lợi Phát! Như ta nay khen ngợi A Di Đà Phật công đức lợi ích chẳng thể nghĩ bàn của A Di Đà Phật.

Giải: “Chẳng thể nghĩ bàn”, nói đại lược gồm năm ý:

- Một là vượt thoát tam giới theo chiều ngang, chẳng đợi phải đoạn Hoặc.

- Hai là sanh về Tây Phương liền trọn đủ bốn cõi, chẳng phải do chứng từ từ.

- Ba, chỉ trì danh hiệu, chẳng cần phải dùng tới các phương tiện Thiên, Quán.

- Bốn là lấy bảy ngày làm hạn, chẳng cần đến nhiều kiếp, nhiều đời, nhiều năm tháng.

- Năm là trì danh hiệu một vị Phật liền được Chư Phật hộ niệm, chẳng khác gì trì danh hiệu của hết thầy Chư Phật.

Những điều này đều do đại nguyện hạnh của đấng Đạo Sư mà thành tựu. Vì thế nói “A Di Đà Phật lợi ích công đức chẳng thể nghĩ bàn”).

Đức Phật gọi Ngài Xá Lợi Phất, nhắc nhở Ngài hãy đặc biệt chú ý: “Tiếp theo đây, ta sẽ nói những lời quan trọng. Như ngày nay, ta khen ngợi công đức lợi ích chẳng thể nghĩ bàn của A Di Đà Phật”

“Công đức lợi ích chẳng thể nghĩ bàn” là gì vậy? Trong đoạn Yếu Giải này, Đại Sư đã nêu ra tường tận. Nói đại lược có năm ý:

1) Siêu thoát tam giới theo chiều ngang, chẳng đợi đoạn
Hoặc: Hãy nên biết: Tam giới chính là lục đạo. Tam giới chia thành Dục Giới, Sắc Giới, và Vô Sắc Giới. Dục Giới có Ngũ Dục là “tài, sắc, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ” (tài, sắc, danh, thực,

thù). Nếu chỉ đoạn trên mặt Sự thì vô ích. Nếu vẫn còn có ý niệm thì vẫn ở trong Dục Giới, chẳng sanh lên Sắc Giới được. Sanh lên Sắc Giới phải nhờ vào Thiên Định. Sơ Thiên, Nhị Thiên, Tam Thiên, Tứ Thiên, tổng cộng mười tám tầng Trời. Lại tính lên Vô Sắc Giới thì có Tứ Không Định Thiên, rồi lại lên tới Cửu Thứ Đệ Định (tên gọi đầy đủ là Diệt Thọ Tướng Thứ Đệ Định) thì sẽ vượt thoát tam giới, thành A La Hán. Đây là vượt tam giới theo chiều dọc. Pháp Môn này của chúng ta chẳng cần phải đoạn Hoặc, vượt ngang ra khỏi tam giới nên gọi là “hoành siêu tam giới”.

2) Tây Phương có đủ cả bốn cõi, chẳng do chúng đắc dần dần: Mười phương hết thấy các cõi Phật đều có bốn cõi, nhưng bốn cõi tách biệt, chẳng liên tiếp nhau. Còn bốn cõi Tịnh Độ của Tây Phương ở cùng một chỗ, hễ sanh về một thì sẽ sanh về hết thấy, chẳng cần phải tiến từ từ. Như trong Thế Giới Sa Bà, đoạn hết Kiến Tư phiền não liền vượt thoát tam giới. Trong tam giới là Phàm Thánh Đồng Cư Độ, vượt thoát tam giới là Phương Tiện Hữu Dư Độ. Lại tu hành phá một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Thân liền sanh về Thật Báo Trang Nghiêm Độ. Đây là “tiệm tấn” (tiến từ từ, tiến dần dần). Tuy Vãng Sanh Tây Phương Thế Giới thuộc Hạ Hạ Phẩm, nhưng cũng viên tịnh tứ độ.

3) Chỉ trì danh hiệu, chẳng cần tới các phương tiện Thiên, Quán: Phương pháp tu hành chỉ dựa vào một câu Nam Mô A Di Đà Phật từ Sơ Phát Tâm cho đến khi thành Phật, chẳng cần bất cứ một Pháp Môn nào khác để phụ trợ. Đại Thế Chí Bồ Tát Niệm Phật Viên Thông Chương chính là chứng minh cực hay.

4) Lấy bảy ngày làm kỳ hạn, chẳng cần đến nhiều đời, nhiều kiếp, nhiều năm tháng: Tịnh Độ Tông đả Phật Thất, chính là căn cứ trên Kinh Di Đà. Tín nguyện trì danh, bảy ngày liền đắc Niệm Phật Tam Muội, quyết định được Vãng Sanh. Công phu có sâu hay cạn khác nhau. Trung Quốc có thói quen chia thành ba hạng: Bậc thượng là Lý nhất tâm bất loạn, bậc trung là Sự nhất tâm bất loạn, bậc hạ là công phu thành phiền. Công phu thành phiền cũng chia thành ba bậc. Thành phiền bậc thượng thì sanh tử tự tại. Từ xưa đến nay, những người đã đạt cảnh giới này rất nhiều, người ta làm được, vì sao chúng ta không làm được? Phải tìm cho ra sự chướng ngại khiến cho ta không làm được, trừ diệt nó đi thì công phu sẽ đắc lực.

5) Trì một danh hiệu Phật liền được Chư Phật hộ niệm, chẳng khác trì danh hiệu của hết thầy Chư Phật: Tại Đài Loan có nhiều tự viện trong dịp Tết bèn có pháp hội lay một ngàn Phật hay một vạn vị Phật. Nếu niệm danh hiệu A Di Đà Phật tức là

giống như đã niệm danh hiệu của mười phương tất cả hết thầy Chư Phật. Đức Phật nói: “Không một vị Phật nào chẳng niệm A Di Đà Phật, không một vị Phật nào chẳng giảng Kinh A Di Đà”. Tựa đề của bộ Kinh này là Nhất Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm Kinh (Kinh được hết thầy Chư Phật hộ niệm), trong phần sau, Kinh Văn có nói tới. Chúng ta niệm bộ Kinh này thì hết thầy Chư Phật đều hộ niệm.

Năm điều này đều là do đại nguyện đại hạnh của A Di Đà Phật thành tựu, Kinh Vô Lượng Thọ giảng rất cặn kẽ, ai đã đọc rồi thì hãy nên thấu hiểu công đức của danh hiệu chẳng thể nghĩ bàn. Cổ Đại Đức nói: “Một niệm tương ứng một niệm Phật, niệm niệm tương ứng niệm niệm Phật”. “Tương ứng” ở đây không phải chỉ là tương ứng với A Di Đà Phật, đấng Đạo Sư của Thế Giới Cực Lạc, mà trên thực tế là tương ứng với mười phương ba đời hết thầy Chư Phật. Công đức lợi ích này quả thật không gì sánh bằng, hiểu rõ đạo lý thì sẽ niệm Phật chẳng đến nỗi bỏ dở giữa chừng.

(Giải) Hựu, hành nhân tín nguyện trì danh, toàn nhiếp Phật công đức thành tựu công đức. Cổ diệc viết “A Di Đà Phật bất khả tư nghị công đức chi lợi”. Hạ hựu viết: “Chư Phật bất khả tư nghị công đức, ngã bất khả tư nghị công đức”, thị Chư Phật, Thích Ca giai dĩ A Di vi tự dã.

(Giải: Lại nữa, hành nhân tín nguyện trì danh hoàn toàn thâm nhiếp công đức của Phật thành công đức của chính mình. Vì thế, cũng nói: “Công đức lợi ích của A Di Đà Phật chẳng thể nghĩ bàn”. Trong đoạn dưới, Kinh Văn lại nói: “Công đức chẳng thể nghĩ bàn của Chư Phật”, “công đức chẳng thể nghĩ bàn của ta”, tức là Chư Phật và Phật Thích Ca đều lấy A Di Đà Phật làm Tự).

Cách nói này quả thật rất ít nghe tới. Chúng ta suy nghĩ kỹ càng sẽ thấy rất có lý. “Tín nguyện trì danh” là mấu chốt trong sự tu học của Tịnh Tông, nguyên tắc tu học là nhất tâm chấp trì danh hiệu thì có thể hoàn toàn biến công đức từ vô lượng kiếp của A Di Đà Phật thành công đức của chính mình. Nếu quả thật là sự thật thì người tu Pháp Môn Niệm Phật sẽ chiếm tiện nghi to lớn. Các vị Bồ Tát trong Mười Phương Thế Giới tu hành trong vô lượng kiếp, tu hết sức nhọc nhằn, vẫn chẳng thể thành tựu được vài phần công đức của A Di Đà Phật. Người tu Tịnh Độ do tín nguyện trì danh, trong một thời gian rất ngắn mà công đức, lợi ích thù thắng vượt trội các vị Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát tu hành khổ nhọc trong nhiều năm. Đây là sự thật. Trong nội dung của Vô Lượng Thọ Kinh, Quán Vô Lượng Thọ Kinh và Kinh này đều có những đoạn Kinh Văn giảng rõ: Người niệm Phật sanh về Tây Phương Cực Lạc Thế Giới, ngay cả Hạ Hạ Phẩm Vãng Sanh cũng sẽ vô lượng thọ.

Kinh Vô Lượng Thọ lại nói thân thể, tướng mạo, các thứ thụ dụng và thân thông đạo lực của họ đều tương tự A Di Đà Phật thì há chẳng phải là đã thâm nhiếp công đức của Phật để thành công đức của chính mình hay sao? Đủ thấy lời Đại Sư nói quả đúng là sự thật. Kinh Văn lại nói: “Công đức chẳng thể nghĩ bàn của Chư Phật, công đức chẳng thể nghĩ bàn của ta”, ở đây có hai thuyết:

- 1) Chư Phật là A Di Đà Phật.
- 2) Chư Phật là mười phương hết thảy Chư Phật Như Lai.

Hai thuyết này đều hợp lý. Do đây có thể suy ra: Mười phương hết thảy Chư Phật và Phật Thích Ca đều coi A Di Đà Phật là chính mình, Tự và Tha chẳng hai. Nói theo tâm tánh thì tâm tánh của năng niệm (cái tâm của Chư Phật và cái tâm của chúng sanh) là một chứ không phải hai, tâm tánh và công đức của danh hiệu đều chẳng thể nghĩ bàn. Đã có lý luận này thì ắt có sự thật.

Từ đoạn Kinh nói về sáu phương Phật trở đi, Đại Sư phán định thuộc vào phần Lưu Thông, Ngài nói “chỉ có Phật và Phật mới có thể gánh vác sứ mạng lưu thông”. Trước hết, chúng tôi giới thiệu đại cương, đơn giản một lượt. Bản dịch của La Thập Đại Sư chỉ ghi sáu phương, còn Huyền Trang Đại Sư phiên dịch trực tiếp theo bản tiếng Phạn, ghi là mười phương. Ngài La Thập dịch ý, người Trung Quốc thích đơn giản, sáu phương là nói rút gọn,

nhưng ý nghĩa vẫn viên mãn. Sáu phương là Đông, Tây, Nam, Bắc, trên và dưới. Mười phương là sáu phương thêm vào Đông Nam, Đông Bắc, Tây Nam, Tây Bắc. Mỗi phương có vô lượng vô biên Thế Giới, mỗi một Thế Giới đều có một vị Phật Giáo hóa.

Mỗi một phương đều nói “như thị đẳng hằng hà sa số Chư Phật” (các vị Phật nhiều như số cát sông Hằng như thế đó). Thuở Đức Phật tại thế, phần lớn thời gian Ngài giảng Kinh ở quanh lưu vực sông Hằng. Cát sông Hằng rất mịn, giống như bột mì. Sông Hằng dài mấy ngàn dặm, cát sông Hằng chẳng thể đếm nổi số. Khi Phật nói đến số lượng nhiều, thường dùng cát sông Hằng để làm tỷ dụ. Cát sông Hằng tuy nhiều, nhưng số lượng còn có giới hạn, chứ các Thế Giới ở mỗi phương trong mười phương là vô lượng vô biên. vì thế, Chư Phật cũng vô lượng vô biên.

“Các ư kỳ quốc xuất quảng trường thiết tướng” (Mỗi vị đều ở trong nước mình hiện tướng lưỡi rộng dài) chính là khen ngợi, tuyên truyền trọn khắp, giới thiệu Tây Phương A Di Đà Phật với hết thảy chúng sanh, từ trước đến nay chưa hề ngừng, phạm vi giáo hóa trọn khắp Tam Thiên Đại Thiên Thế Giới.

“Thuyết thành thật ngôn”: Ý nói những điều được nói trong Kinh này đều là những pháp thực tại. Những Kinh Điển khác cũng đều là những lời thành thật, như Kinh Kim Cang dạy: “Như Lai thị

chân ngữ giả, thật ngữ giả, như ngữ giả, bất cuồng ngữ giả, bất dị ngữ giả” (Như Lai là bậc nói lời chân thật, nói đúng sự thật, nói đúng lý đúng pháp, chẳng nói lời dối gạt, chẳng nói sai khác). “Chân” là không giả, “thật” là thực tại, chẳng hư vọng, “như” là không tăng, không giảm, đúng mức, “bất cuồng” là chẳng lừa dối. Sao lại chỉ nói Kinh này là lời thành thật? Là vì Kinh này dạy trực tiếp cách tu thành Phật cho phàm phu. do Kinh này quá huyền diệu, rất nhiều người chẳng tin tưởng. Vì thế, phải đặc biệt nhấn mạnh “thuyết thành thật ngôn” (nói lời thành thật). Có người bảo tôi: “Đối với Pháp Môn Tịnh Độ, có những vị Pháp Sư Đại Đức thốt ra nhiều lời lẽ phê bình và chẳng thể tin tưởng pháp này”. Tôi bảo người ấy: “Bạn chưa đọc kỹ Kinh Vô Lượng Thọ. Trong Kinh đã nói rành rành: ‘Nhược phi vãng tích tu phước huệ, ư thử chánh pháp bất năng văn’ (Nếu chẳng tu phước huệ trong đời quá khứ, sẽ chẳng thể nghe chánh pháp này). Bọn họ chẳng thể tin tưởng thì có gì lạ đâu!” Như trong Quán Kinh Tứ Thiếp Sớ, trong phần Thượng Phẩm Thượng Sanh Chương, Thiện Đạo Đại Sư đã nói: Hàng Thập Địa Bồ Tát cùng nhau nói với quý vị, bậc Đăng Giác Bồ Tát cùng nhau nói với quý vị, quý vị chẳng cần phải tin tưởng. Chỉ tin tưởng lời Phật. Hễ tin tưởng Pháp Môn này, vâng theo lời dạy mà hành, là do trong quá khứ đã từng cúng dường vô lượng vô biên Chư Phật Như Lai, có thiện căn vượt trội hết thảy chúng sanh, chứ

chẳng phải chỉ một sớm một chiều mà hồng thành tựu được. Chính mình gặp được Pháp Môn này mà có thể tin tưởng, phát nguyện thì mười phương ba đời hết thấy Chư Phật Như Lai đều chúc mừng quý vị, khen ngợi quý vị: “Ngày nay thiện căn, phước đức của quý vị đã chín muồi rồi, cơ duyên thành Phật đã đến rồi!”

Cuối cùng, Đức Phật nói: Chúng sanh các người hãy nên tin tưởng bộ Kinh này, Kinh có tên là “Xưng Tán Bất Khả Tư Nghị Công Đức Nhất Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm Kinh”. Khi phiên dịch, La Thập Đại Sư đổi tên Kinh thành “Phật Thuyết A Di Đà Kinh”. La Thập Đại Sư dùng tên Kinh này nhằm làm cho chúng ta vừa nhìn vào tựa đề Kinh liền niệm một câu A Di Đà Phật, đấy chính là phương tiện thiện xảo của người dịch Kinh. “Xưng tán” là hết thấy Chư Phật khen ngợi A Di Đà Phật có công đức chẳng thể nghĩ bàn, Phật dùng bốn mươi tám nguyện tiếp dẫn hết thấy chúng sanh căn cơ đã chín muồi trong mười phương pháp giới. Người căn cơ chín muồi bèn tin tưởng, phát nguyện, hành trì, nhất định Vãng Sanh trong một đời này. Nếu chẳng tin, chẳng nguyện, chẳng chịu niệm thì là căn cơ, nhân duyên còn chưa chín muồi, chẳng thể Vãng Sanh trong đời này, vẫn luân hồi trong lục đạo. Tên Kinh này cũng có thể nói là Nhất Thiết Chư Phật Bất Khả Tư Nghị Công Đức. Nếu không có Bản Sư Thích Ca Mâu Ni Phật giới thiệu, đề

xướng, làm sao chúng ta biết được? Đức Thế Tôn giới thiệu cõi nước Cực Lạc giống như một trường học lớn. Đức Thế Tôn và mười phương Chư Phật thay mặt A Di Đà Phật đến các nơi chiêu sinh, lại được hết thầy Chư Phật tuyên dương, khen ngợi. Theo khảo chứng, Thiện Đạo Đại Sư là hóa thân của A Di Đà Phật. lời Thiện Đạo Đại Sư nói là lời A Di Đà Phật nói. Ngài nói: “Như Lai sở dĩ xuất hiện trong cõi đời, chỉ nhằm nói ra biên bản nguyện của A Di Đà Phật”. Phật vì một đại sự nhân duyên mà xuất hiện trong cõi đời, tức là giới thiệu Tây Phương Tịnh Độ cho thế gian. Đã là như vậy thì cả đời Đức Thế Tôn Giảng ba Kinh Tịnh Độ là đủ rồi, cần gì phải giảng nhiều Pháp Môn khác? Là vì cơ duyên thành Phật của chúng sanh đã đến nên mới nói Pháp Môn này. Kinh này chẳng phải vì hàng Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát mà nói. Cơ duyên thành Phật của họ còn chưa đến thì có nói cũng vô dụng, họ chẳng tiếp nhận. Nếu họ thuộc căn tánh Bồ Tát thì giảng cho họ Đại Thừa Phật Pháp. Nếu họ là căn tánh Duyên Giác hay Thanh Văn thì giảng pháp Tiểu Thừa cho họ. Họ không có ý nghĩ thoát khỏi tam giới, nên nói với họ những Kinh Điển giảng về Trời người, để đời sau được thân người và hạnh phúc mỹ mãn. Do vậy, nói vô lượng vô biên Pháp Môn nhằm thích ứng những căn tánh khác nhau. Kinh này chuyên để nói với những chúng sanh căn cơ chín muồi, vượt trội những vị Bồ Tát. Chỉ cần tin tưởng Pháp Môn

này thì tất cả hết thấy Chư Phật, không một vị nào chẳng hộ niệm. Chúng ta niệm bộ Kinh này liền được hết thấy Chư Phật hộ niệm.

Mật Tông có chuyện quán đảnh. Ở nước Mỹ và Đài Loan, nếu có Kim Cang thượng sư Rinpoche của Mật Tông đến, là mọi người xúm nhau đông nghẹt xin quán đảnh. Lão Cư Sĩ Hoàng Niệm Tổ là Kim Cang thượng sư của Mật Tông, tuổi già chuyên tu Tịnh Độ. Trong cuốn Chú Giải Kinh Vô Lượng Thọ, cụ có giảng rõ ý nghĩa quán đảnh. “Quán” (灌) có nghĩa là từ bi che chở, gia hộ, “đảnh” (頂) có nghĩa là Pháp Môn chí cao vô thượng. Như vậy, “quán đảnh” là đem Pháp Môn cao tột vô thượng của Đức Phật truyền dạy cho quý vị, mà Pháp Môn cao tột vô thượng bậc nhất của Chư Phật Như Lai lại chính là Kinh A Di Đà. Nếu niệm một biến thì cũng giống như được hết thấy Chư Phật quán đảnh cho quý vị một lượt. Người niệm Phật suốt ngày từ sáng đến tối sẽ được thấm đẫm Phật quang, nhưng chính mình mê hoặc điên đảo, đối với lợi ích công đức thù thắng này hoàn toàn chẳng biết, thật là đáng thương!

(Kinh) Đông phương diệc hữu A Súc Bộ Phật, Tu Di Tướng Phật, Đại Tu Di Phật, Tu Di Quang Phật, Diệu Âm Phật, như thị đẳng hằng hà sa số Chư Phật, các kỳ quốc, xuất quảng trường thiệt tướng, biến phú Tam Thiên Đại Thiên Thế Giới, thuyết thành thật ngôn: “Nhữ đẳng chúng sanh đương tín thị Xưng

Tán Bất Khả Tư Nghị Công Đức Nhất Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm Kinh”.

(Giải) A Súc Bệ, thử vân Vô Động. Phật hữu vô lượng đức, ưng hữu vô lượng danh. Tùy cơ nhi lập, hoặc thủ nhân, hoặc thủ quả, hoặc Tánh, hoặc Tướng, hoặc hạnh nguyện đẳng. Tuy cử nhất ngưng, nhưng cụ Tứ Tất. Tùy nhất nhất danh, hiển sở thuyên đức. Kiếp thọ thuyết chi, bất năng tất dã.

(Chánh Kinh: Phương Đông cũng có A Súc Bệ Phật, Tu Di Tướng Phật, Đại Tu Di Phật, Tu Di Quang Phật, Diệu Âm Phật, các Đức Phật nhiều như cát sông Hằng như thế đó, mỗi vị ở trong nước mình, hiện tướng lưỡi rộng dài, che khắp Tam Thiên Đại Thiên Thế Giới, nói lời thành thật: “Chúng sanh các người hãy nên tin Kinh Khen Ngợi Công Đức Chẳng Thế Nghĩ Bàn Được Hết Thủy Chư Phật Hộ Niệm này”.

Giải: A Súc Bệ, cõi này dịch là Vô Động, Phật có vô lượng đức, đương nhiên có vô lượng danh hiệu. Tùy theo căn cơ của chúng sanh hóa độ mà lập một danh hiệu, hoặc dùng nhân, hoặc dùng quả, hoặc Tánh, hoặc Tướng, hoặc hạnh nguyện v.v... để đặt tên. Tuy nêu lên một khía cạnh, nhưng mỗi danh hiệu đều đầy đủ bốn món Tất Đàn. Đối với mỗi danh hiệu, muốn giảng rõ tánh đức

được phô diễn bởi danh hiệu ấy thì dù có sống lâu cả kiếp để diễn nói cũng chẳng thể nào nói trọn hết được).

Phật và Bồ Tát đều không có danh hiệu. Danh hiệu là giả danh, thuận theo phía chúng sanh mà lập ra, tức là dựa theo nhu cầu của chúng sanh trong hiện thời, thuận theo căn cơ mà lập ra. Hoặc dựa theo nhân, dựa theo quả, hoặc dựa theo Tánh, dựa theo tướng để chọn lấy một đức năng trong vô lượng đức năng mà lập danh hiệu nhằm biểu thị pháp hòng tạo lợi ích thực dụng cho chúng sanh. Ấn Độ và Trung Quốc đều coi phương Đông là đứng đầu trong các phương, mặt Trời mọc từ phương Đông. Trong Tứ Quý (bốn mùa), phương Đông biểu thị mùa Xuân. Trong Ngũ Hành, phương Đông thuộc Mộc, phương Nam thuộc Hỏa, phương Tây thuộc Kim, phương Bắc thuộc Thủy, chính giữa thuộc Thổ, rất gần với cách nhìn của người Ấn Độ. Danh hiệu của năm vị Phật này, A Súc Bệ Phật, Tu Di Tướng Phật, Đại Tu Di Phật, Tu Di Quang Phật, Diệu Âm Phật, tượng trưng cho căn bản tu học trong Pháp Môn.

Vị thứ nhất là A Súc Bệ Phật, A Súc Bệ (Akshobhya) nghĩa là Bất Động, biểu thị học Phật, đối với bất cứ Pháp Môn nào, Đại Thừa hay Tiểu Thừa, Tông Môn hay Giáo Hạ, Hiển Giáo hay Mật Giáo đều phải bất động. Đây là điều kiện cơ bản nhất. Nếu thứ gì

cũng học, ắt sẽ chẳng thành một việc nào! Cần phải “tám gió thổi chẳng động” thì mới có tư cách nhập môn nhà Phật. Đối với tiếng tăm, lợi dưỡng, ngũ dục, lục trần tâm chẳng động, lại còn phải tiến hơn một bước nữa là chẳng bị lay động bởi các Pháp Môn khác. Pháp Môn, tông phái rất nhiều, ắt phải thâm nhập một môn. Thiện Đạo Đại Sư nói: “Nếu muốn cầu Giải thì học nhiều tới mấy Pháp Môn cũng chẳng trở ngại gì. nhưng nếu muốn tu hành, nhất định phải giữ lấy một môn”. Thiện Tài đồng tử tham học năm mươi ba lần, năm mươi ba vị thiện tri thức đều là biểu thị pháp, tượng trưng cho nam nữ già trẻ đủ các ngành nghề trong xã hội, phương diện tiếp xúc hết sức rộng, Thiện Tài đều hiểu rõ hết, nhưng đối với sự tu hành của chính mình thì là “một môn thâm nhập”. Do chẳng hề dao động, Thiện Tài tu Pháp Môn Niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Vị thầy thứ nhất của Thiện Tài là Tỳ Kheo Đức Vân (Meghasri Bhiksu, còn dịch là Tỳ Kheo Cát Tường Vân), là một vị xuất gia. Trong năm mươi ba vị thiện tri thức, chỉ có năm vị là người xuất gia. Tỳ Kheo Đức Vân dạy Thiện Tài niệm Phật, môn nào học trước tiên sẽ là chánh yếu. về sau, Thiện Tài gặp những vị thiện tri thức khác, phương pháp tu trì của mỗi vị mỗi khác. Thiện Tài nghe xong đều biểu lộ cung kính cảm tạ, rồi liền cáo từ, biểu thị “chẳng muốn học Pháp Môn ấy”. Mãi cho đến vị thiện tri thức thứ năm mươi ba là Phổ Hiền Bồ Tát dùng mười đại nguyện vương đưa về

Tây Phương Cực Lạc Thế Giới. Thiện Tài là chúng sanh căn cơ đã chín muồi, thành Phật trong một đời. Các tông, các phái đều hiểu rõ, hoàn toàn chẳng chướng ngại Pháp Môn của chính mình tu học. Thiện Tài nêu gương đáng cho chúng ta noi theo. Nếu không có tinh thần độc lập ấy, đừng nên lãng phí thời gian, có học cũng vô ích! Từ xưa, các vị Tổ Sư Đại Đức nếu nhận thấy người nào có thể đào tạo thành nhân tài bền vững đủ mọi phương pháp để rèn giũa kẻ ấy, tới khi kẻ ấy chịu không nổi sẽ bỏ đi, tức là chẳng thể thành tựu. Rèn giũa trăm cách mà người ấy vẫn chẳng động tâm thì mới là pháp khí. Cương lĩnh tu học của Bồ Tát, thứ nhất là bố thí, thứ hai là nhẫn nhục. Bảo quý vị buông xuống, thế gian lần xuất thế gian đều buông xuống hết, chuyên tu Pháp Môn này. Do vậy, A Súc Bệ là vị Phật thứ nhất tại phương Đông, dịch nghĩa là Vô Động, bao hàm những nghĩa đã nói trên đây.

Ba vị Phật kia là Tu Di Tướng Phật, Đại Tu Di Phật, Tu Di Quang Phật, đều dùng chữ Tu Di (Sumeru, Meru) làm danh hiệu để sánh ví. Cao nhất trong Thế Giới này là núi Tu Di, nhưng nó chẳng nằm trên địa cầu. Lão Cư Sĩ Hoàng Niệm Tổ nói một hệ Ngân Hà là một đơn vị Thế Giới. trung tâm của hệ Ngân Hà được giới thiên văn gọi là “hố đen” (black hole). Hố đen chính là núi Tu Di. Tất cả tinh cầu đều xoay chuyển quanh nó, nó là trung

tâm của Thế Giới. Trong Phật Pháp, gọi nó là núi Diệu Cao. Kinh thường dùng Pháp Thân để tỷ dụ bản thể. Ba vị Phật được nêu trên đây nhằm biểu thị Tam Thân, tức Pháp Thân, Báo Thân, và Ứng Hóa Thân. Ba thân nhưng cùng một Thể.

Vị thứ nhất là Tu Di Tướng Phật (Merudhvaja Buddha), Tướng là tướng hảo, quang minh. Chúng sanh trong chín pháp giới đều ngưỡng mộ tướng hảo của Phật, như vậy Tu Di Tướng biểu thị Báo Thân. Vị thứ hai là Đại Tu Di Phật (Mahameru), Đại là từ ngữ khen ngợi, khen ngợi Lý thể của Pháp Thân trong tâm tánh chẳng thể nghĩ bàn, những nhà triết học gọi nó là “bản thể của vạn hữu trong Vũ Trụ”, còn Phật Pháp gọi là Pháp Thân. Hết thấy vạn pháp đều do nó biến hiện ra.

Vị thứ ba là Tu Di Quang Phật (Meruprabhasa Buddha). Quang là quang minh chiếu trọn khắp, lợi ích trọn khắp hết thấy chúng sanh. Đây chính là nói về Ứng Thân. Nên dùng thân nào để đắc độ bèn hiện thân ấy để độ, tùy loại hóa thân, tức là ý nghĩa “quang minh biến chiếu” (quang minh chiếu trọn khắp). Mục tiêu học Phật chính là phải thành tựu Tam Thân.

Cuối cùng là Diệu Âm Phật (Manjughosha Buddha), đem phương pháp tu học nói ra. Tịnh Độ Tông niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, tín nguyện trì danh là Pháp Môn trực tiếp để thành Phật. “Diệu

Âm” chính là “Nam Mô A Di Đà Phật”, chúng sanh trong chín pháp giới khắp mười phương ba đời đều dùng phương pháp này để Vãng Sanh Tịnh Độ, bất thoái thành Phật.

(Giải) Đông phương hư không bất khả tận, Thế Giới diệt bất khả tận. Thế Giới bất khả tận, trụ thế Chư Phật diệt bất khả tận. Lược cử “hằng hà sa” nhĩ. Thử đẳng Chư Phật, các xuất quảng trường thiết, khuyến tín thử Kinh, nhi chúng sanh do bất sanh tín, ngoan minh cực hỹ. Thường nhân tam thế bất vọng ngữ, thiết năng chí tỵ. Tạng Quả Đầu Phật, tam đại tăng kỳ kiếp bất vọng ngữ, thiết bạc, quảng trường khả phú diện. Kim chứng Đại Thừa Tịnh Độ diệu môn, sở dĩ biến phú tam thiên, biểu Lý thành xứng Chân, Sự thật phi mậu dã. Tiêu xuất Kinh đề, lưu thông chi bốn. Thập sư thuận thử phương hiếu lược, dịch kim đề, xảo hợp trì danh diệu hạnh. Trang sư dịch vân Xưng Tán Tịnh Độ Phật Nhiếp Thọ Kinh. Văn hữu tường lược, nghĩa vô tăng giảm.

(Giải: Phương Đông hư không chẳng thể cùng tận, nên Thế Giới cũng chẳng thể cùng tận. Do Thế Giới chẳng thể cùng tận nên Chư Phật trụ thế cũng chẳng thể cùng tận, chỉ nêu đại lược là “nhiều như số cát sông Hằng” mà thôi. Các vị Phật vị nào cũng hiện tướng lưỡi rộng dài, khuyên nên tin Kinh này, mà chúng sanh

vẫn chẳng sanh lòng tin, ương bướng, tối tăm đến tột bậc vậy! Người thường mà ba đời không nói dối thì lưỡi có thể chạm được mũi. Quả vị Phật trong Tạng Giáo ba đại A tăng kỳ kiếp không nói dối, lưỡi mỏng, rộng dài có thể che mặt. Nay nhằm chứng thực Pháp Môn Tịnh Độ mâu nhiệm, cho nên Chư Phật thè lưỡi che khắp tam thiên, nhằm biểu thị “Lý quả thật xứng hợp chân thật, Sự là đúng với sự thật, chẳng sai lầm”. Nêu ra tựa đề Kinh nhằm làm cái gốc cho việc lưu thông. Ngài La Thập thuận theo thói thích đơn giản của phương này, mà dịch tựa đề Kinh như đề Kinh đang được sử dụng trong hiện tại, phù hợp khéo léo với diệu hạnh trì danh. Ngài Huyền Trang dịch tựa đề Kinh này là Xưng Tán Tịnh Độ Phật Nhiếp Thọ Kinh. Lời văn tuy có cận kề hay đại lược khác nhau, nhưng ý nghĩa chẳng bị tăng hay giảm).

Phương Đông hư không chẳng thể cùng tận, Thế Giới và Chư Phật trụ thế đều chẳng thể cùng tận nên dùng cát sông Hằng để so sánh. Cát sông Hằng có cùng tận, nhưng Thế Giới vô tận. Mười phương hết thảy Chư Phật đều khuyên con người hãy nên tin tưởng Kinh này mà chúng sanh vẫn chẳng tin tưởng, đúng là ương bướng, u tối đến tột cùng. Đọc Kinh Vô Lượng Thọ rồi mới hoảng nhiên đại ngộ, có tình trạng ngoan cố, tối tăm ấy vốn là do thiện căn và phước đức chẳng đủ. Trong Kinh ấy, Vương Tử A Xà Thế

và năm trăm vị trưởng giả nghe Phật giảng Kinh Vô Lượng Thọ, nghe xong hết sức hoan hỷ, dùng hoa bằng vàng để cúng Phật nhằm biểu thị ý cảm tạ, trong tâm khởi lên ý niệm mong mỗi trong tương lai khi thành Phật cũng sẽ giống hệt như A Di Đà Phật. Họ vừa dậy khởi ý niệm ấy, Đức Phật đã biết rõ. Phật nói bọn họ trong đời quá khứ đã từng cúng dường bốn trăm ức Phật, nhưng thiện căn và phước đức vẫn chưa đủ, bọn họ chỉ khởi lên ý niệm ấy, sanh lòng hoan hỷ, nhưng hoàn toàn chẳng phát tâm cầu nguyện Vãng Sanh. Nếu có ai thật sự phát nguyện cầu sanh về Tịnh Độ, đấy chính là trong đời quá khứ đã từng cúng dường vô lượng Chư Phật, chứ không phải chỉ có bốn trăm ức Phật.

“Tướng lưỡi rộng dài” là một trong ba mươi hai tướng. Nếu có thể le lưỡi liếm tới đầu mũi thì đấy là điều cho thấy người ấy trong ba đời không nói dối. Kinh nói Đức Thế Tôn đời đời kiếp kiếp chẳng nói dối, nên đầu lưỡi khi le ra có thể che cả mặt. Vị Phật trong Tạng Giáo do không nói dối trong ba đại A tăng kỳ kiếp nên lưỡi mỏng, dài rộng, có thể che được mặt. Phật Thích Ca như vậy đó. Hết thấy Chư Phật Như Lai chứng minh cho chúng ta biết Tịnh Độ là Pháp Môn Đại Thừa màu nhiệm nhất. Màu nhiệm ở chỗ có thể khế hợp hết thấy chúng sanh khiến cho họ có thể trong một đời viên mãn thành Phật, viên mãn rốt ráo Phật quả.

Kinh này có tựa đề là Xưng Tán Bất Khả Tư Nghị Công Đức Nhất Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm Kinh. Kinh này do La Thập Đại Sư dịch, Ngài biết người Hoa ưa nói đơn giản, bất luận ngôn ngữ, văn tự nào cũng đều mong sao nói được những điểm trọng yếu nhưng tường tận, rõ ràng. Do vậy, Ngài đặt tựa đề Kinh là Phật Thuyết A Di Đà Kinh, lấy ngay danh hiệu làm tựa đề Kinh. Huyền Trang Đại Sư cũng dịch Kinh này, nhưng không được trôi chảy cho lắm, ai nấy đều thích bản dịch của Ngài La Thập. Bởi lẽ, bản của Ngài La Thập văn từ lưu loát, thông đạt, ngay cả đệ tử của Ngài Huyền Trang cũng chẳng phải là ngoại lệ. Tuy Huyền Trang Đại Sư đem Duy Thức Học truyền vào Trung Quốc, nhưng chưa tạo lập tông phái, phải đợi đến khi đồ đệ của Ngài là Pháp Sư Khuy Cơ mới sáng lập Pháp Tướng Tông. Vì thế, Ngài Khuy Cơ là Tổ Sư đời thứ nhất của Pháp Tướng Tông. Ngài Khuy Cơ cũng viết một bản chú giải Kinh Di Đà mang tựa đề A Di Đà Kinh Thông Tán Sớ, dùng bản dịch của Ngài La Thập để viết chú giải, vì bản này được lưu hành trong cõi đời đã lâu, cho nên không dùng bản dịch của thầy mình. Đủ thấy thầy trò Ngài Huyền Trang đều hết sức tôn trọng bản dịch của Ngài La Thập.

(Kinh) Xá Lợi Phát! Nam phương Thế Giới hữu Nhật Nguyệt Đăng Phật, Danh Văn Quang Phật, Đại Diệm Kiên Phật,

Tu Di Đẳng Phật, Vô Lượng Tinh Tấn Phật, như thị đẳng hằng hà sa số Chư Phật, các u kỳ quốc, xuất quảng trường thiết tướng, biến phủ Tam Thiên Đại Thiên Thế Giới thuyết thành thật ngôn: “Nhữ đẳng chúng sanh đương tín thị Xưng Tán Bất Khả Tư Nghị Công Đức Nhất Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm Kinh”.

(Chánh Kinh: Trong các Thế Giới ở phương Nam có Nhật Nguyệt Đẳng Phật, Danh Văn Quang Phật, Đại Diệm Kiên Phật, Tu Di Đẳng Phật, Vô Lượng Tinh Tấn Phật, các Đức Phật nhiều như số cát sông Hằng như thế đó, mỗi vị ở trong nước mình, hiện tướng lưỡi rộng dài, che khắp Tam Thiên Đại Thiên Thế Giới, nói lời thành thật: “Chúng sanh các người hãy nên tin Kinh Khen Ngợi Công Đức Chẳng Thế Nghĩ Bàn Được Hết Thấy Chư Phật Hộ Niệm này”).

Trong đoạn trước đã giới thiệu phương Đông. Phương Đông nhằm tượng trưng cho căn bản tu học Phật Pháp. Tại phương Đông nêu đại lược năm vị Phật, vị Phật thứ nhất tượng trưng cho thái độ cơ bản trong sự tu học Phật Pháp. Bất luận tu học một Pháp Môn hay tông phái nào, mấu chốt thành bại chính là “chuyên nhất, bất động”. Có nhiều vị đồng tu chẳng thể nói là không dụng công, nhưng xét theo thực tại thì chẳng có thành tựu, chính là vì cái tâm

chúng ta phập phều, chao động, hoàn toàn chẳng trấn định, đúng như Cổ Đức đã nói: “Tâm bị cảnh chuyển”. Như thế sẽ trọn chẳng thể tu đạo được! Do vậy, vị Phật thứ nhất là Bất Động Phật dạy chúng ta bất luận trong thuận cảnh hay nghịch cảnh, điều trước tiên phải học là tâm bất động. Danh hiệu của ba vị Phật tiếp đó nhằm nêu ra mục tiêu tu hành, chứng đắc viên mãn Pháp, Báo, Ứng ba thân. Danh hiệu của vị Phật thứ năm nhằm nêu ra phương pháp tu hành cơ bản trong tông này là Trì Danh Niệm Phật. Phương Nam thuộc Hỏa, tượng trưng cho hiện tượng quang minh. Rất nhiều người hiểu lầm Tịnh Độ Tông, cho rằng Tịnh Độ Tông cầu nhất tâm bất loạn tức là có Định nhưng thiếu Huệ, quả thật chẳng biết một câu A Di Đà Phật chẳng những bao gồm Giới Định Huệ mà còn là trí huệ vô thượng.

Vị Phật thứ nhất ở phương Nam là Nhật Nguyệt Đăng Phật (Candrasuryapradipa Buddha), mang ý nghĩa “quang minh chiếu trọn khắp”, biểu thị tự tánh vốn trọn đủ trí huệ viên mãn, Vũ Trụ, nhân sinh, quá khứ, hiện tại, vị lai, không gì chẳng hiểu.

Vị Phật thứ hai là Danh Văn Quang Phật (Yaśahprabha Buddha), “danh văn” nói theo cách bây giờ là “mức độ nổi tiếng”. Người tu hành thật sự dụng công, tu đến mức độ khá, quả thật sẽ nổi tiếng. Danh lẫn lợi đều có thể hại người. Nếu thiếu trí huệ, sẽ

thường bị mê, hễ mê ắt đọa lạc. “Quang” là trí huệ, đối với họa hại của tiếng tăm, lợi dưỡng đều thấu hiểu rõ ràng, tự mình ắt phải xa lìa danh lợi thì mới chẳng bị hại.

Vị Phật thứ ba là Đại Diệm Kiên Phật (Maharciskandha Buddha), “Diệm” (燄) là ngọn lửa, trí huệ quang minh, biểu thị đột phá cửa ải danh lợi thì công phu sở học ắt sẽ tăng cao. Khi ấy sẽ có đủ hai thứ trí là Căn Bản Trí và Hậu Đắc Trí trên mức độ nông cạn. Hai thứ trí này được biểu thị bằng hình tượng hai vai trái và phải, hai trí hiện tiền giúp Phật Giáo hóa. Căn Bản Trí là Thật Trí, là Thể của trí huệ. Hậu Đắc Trí là Quyền Trí, là Dụng của trí huệ. Kinh Bát Nhã đã nói: Căn Bản Trí là “Bát Nhã vô tri”, Hậu Đắc Trí là “không gì chẳng biết”. Chúng ta chỉ có vọng tưởng, phân biệt, về căn bản là chẳng có trí huệ, trí huệ là do Định mà có. Nếu cầu trí huệ thì trong bất luận tông phái nào, bậc thiện tri thức chân chánh sẽ dạy người ta trước hết phải cầu vô tri. Như Lục Tổ Đại Sư đã nói “vốn không có một vật”, có tri kiến nhất định là tà tri tà kiến. Chánh tri là trí huệ Bát Nhã trong tự tánh. Vì thế, nó được gọi là Tự Nhiên Trí hay Vô Sư Trí. Người học Phật hiện thời hoàn toàn làm trái cách dạy bảo của Cổ Đức. Trước hết, cầu học rộng nghe nhiều, thứ gì cũng muốn học, kết quả là hiểu biết hữu hạn. Trí huệ trong tự tánh chẳng do khảo cứu, đọc rộng rãi các sách mà có, mà

phải do Định. Nhà Phật nói: “Nhân Giới sanh Định, nhân Định khai Huệ”. Pháp Môn Niệm Phật là phải niệm đến mức nhất tâm bất loạn. Nếu đắc nhất tâm, sẽ đắc Căn Bản Trí. Hậu Đắc Trí là tác dụng của Căn Bản Trí. Lục căn tiếp xúc cảnh giới sáu trần bên ngoài, hiểu rõ hết thấy chính là Hậu Đắc Trí. Thật Trí là Tự Thụ Dụng, vô tri. Quyền Trí là Tha Thụ Dụng, không gì chẳng biết. Hai trí đều đắc nên gọi là Đại Diệm Kiên Phật. Chính mình thụ dụng thì vô tri, cũng là “vô thuyết” (không nói), không nói mà nói. Không gì chẳng biết là Tha Thụ Dụng, nhằm giáo hóa chúng sanh nên có biết, có nói, nói mà chẳng nói. Chính mình vĩnh viễn ở trong cảnh giới thanh tịnh, vắng lặng, giúp đỡ chúng sanh, hòa quang đồng trần, sống động, hoạt bát, thì mới có thể giáo hóa hết thấy chúng sanh. Nhà Phật thường nói “tục Phật huệ mạng, hoằng pháp lợi sanh” (tiếp nối huệ mạng của Phật, hoằng pháp lợi sanh). Không có hai thứ trí huệ này sẽ chẳng làm được, chỉ có tâm từ bi xuyên thì cũng chẳng sử dụng được.

Vị Phật thứ tư là Tu Di Đăng Phật (Merupradipa Buddha). Tu Di Đăng là tỷ dụ, biểu thị tu Huệ, chuyển Thức thành Trí. Núi Tu Di do bốn thứ báu hợp thành, biểu thị chuyển tám Thức thành Tứ Trí. Năm Thức trước, tức Nhãn Thức, Nhĩ Thức, Tỷ Thức, Thiệt Thức, Thân Thức, tiếp xúc cảnh giới bên ngoài, là “lãnh thọ” (tiếp

nhận). Thức thứ sáu (Ý Thức) là phân biệt. Thức thứ bảy (Mạt Na Thức) là chấp trước. Thức thứ tám ghi ấn tượng, tồn trữ thành chủng tử (hạt giống) trong cái kho A Lại Da Thức. Cổ Đức nói: May là những chủng tử ấy chẳng có thể tích. Nếu không, tội cùng hư không đều chẳng thể chứa đựng hết. Mỗi ngày chứa thêm chủng tử. sau khi chết, chủng tử nào có tánh chất mạnh mẽ sẽ lôi thân thức đi thọ báo trước. Khởi tâm động niệm lúc bình thường có quan hệ lớn nhất, tạo ảnh hưởng sẽ đầu thai vào đường nào. Trong lục đạo, xả thân này, thọ thân khác đều tuân theo quy luật này. Đức Phật nói mười pháp giới đều là hoàn cảnh sống của chúng ta. Nhân tố trọng yếu nhất của Phật Pháp Giới là “tánh bình đẳng”. hễ trong tâm khởi lên một niệm sẽ là chẳng bình đẳng. Điều kiện làm Bồ Tát là hành Lục Độ, điều kiện làm Duyên Giác là mười hai nhân duyên, điều kiện làm Thanh Văn là Tứ Đế. Đây là Tứ Thánh Pháp Giới (Phật, Bồ Tát, Duyên Giác, Thanh Văn) ở ngoài tam giới. Điều kiện của Thiên Giới là Thập Thiện. Chỉ tu Thập Thiện thì chỉ có thể sanh vào các tầng Trời thuộc Dục Giới. Từ Sắc Giới Thiên trở lên còn phải tu thêm Tứ Vô Lượng Tâm, tức từ, bi, hỷ, xả. Điều kiện của Nhân Đạo (loài người) là Ngũ Giới. Nho Gia Trung Quốc nói Ngũ Thường, tức Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín, gần giống với Ngũ Giới. Thực hiện những điều ấy viên mãn thì đời sau chẳng mất thân người. Sốt sáng tu nhiều điều lành, nhưng lại có tập khí rất

lớn, ngạo nghễ, ngã mạn, sẽ sanh vào A Tu La đạo. Keo kiệt, tham lam là ngã quý đạo. Ngu si là súc sanh đạo. Nóng giận là địa ngục đạo. Trong tương lai chúng ta sẽ phải sanh vào đường nào, chính mình khi trở về nhà, hãy lắng lòng suy nghĩ thì sẽ nhận biết, chẳng cần phải hỏi ai khác! Nói theo Pháp Môn Niệm Phật thì là chuyển Thức thành Trí. Thân lễ kính A Di Đà Phật, miệng xưng niệm A Di Đà Phật, tâm tưởng A Di Đà Phật, chuyển Thức thứ sáu thành Diệu Quán Sát Trí. Từ đây trở đi, chẳng còn suy nghĩ lung tung nữa, biết hết thấy pháp đều là Không, như mộng, huyễn, bọt, bóng, chuyển Mạt Na Thức thành Bình Đẳng Tánh Trí, chẳng chấp trước hết thấy pháp, tâm địa bình đẳng. Chuyển A Lại Da Thức thành Đại Viên Kính Trí, không gì chẳng biết.

Vị Phật thứ năm tức vị Phật cuối cùng ở phương Nam là Vô Lượng Tinh Tấn Phật (Anantavirya Buddha), dạy chúng ta phương pháp tu hành. Thiện căn của Bồ Tát chỉ có một thứ là tinh tấn, thành tựu đại trí huệ. Chương ngại lớn nhất đối với tu hành là giải đãi. Xem Cao Tăng Truyện, Cư Sĩ Truyện, không một người biếng nhác, bê trễ nào có thể thành tựu! Chúng ta rất muốn dụng công, nhưng tinh thần uể oải, nguyên nhân là do nghiệp chướng, ắt phải lập cách khắc phục. Tại Đài Bắc có một vị đồng tu lái taxi, tức Cư Sĩ Hứa Thu Hùng, bị bệnh, tinh thần uể oải, nhất định muốn khắc

phục. Do cuộc sống ràng buộc, mỗi tháng ông tu tinh tấn niệm Phật hai lần. mỗi lần niệm Phật suốt hai ngày hai đêm không ngừng, một câu Phật hiệu niệm đến cùng. Càng niệm tinh thần càng tốt đẹp. Mỗi lần chỉ cần nghỉ ngơi hai tiếng đồng hồ liền có thể làm việc tiếp. Đùng thấy ông ta làm công việc tầm thường, nhỏ nòi, tương lai ông ta nhất định Vãng Sanh. Một vị khác nữa là Cư Sĩ Khuru Hiền Đạt, làm việc tại Phật Đà Giáo Dục Cơ Kim Hội, hiện đang sống tại một ngôi Chùa ở Phước Châu, phụ trách gởi tặng Kinh sách. Ông ta là người ngoài đời, mỗi ngày ngủ đến bảy tám giờ mới dậy. Người xuất gia trong Chùa ba giờ sáng đã dậy, bốn giờ tụng khóa sáng. Ông ta ở trong Chùa cảm thấy hết sức hổ thẹn, chân tâm phát lộ sám hối. hiện thời đã theo mọi người làm việc, chẳng nề hà khó khăn, ai cũng phải khen ngợi. Không có chướng ngại nào chẳng thể khắc phục, chính mình phải có chí nguyện kiên cường thì mới dũng mãnh thực hiện được, xin đừng cam phận đọa lạc. Thế gian có ba thứ thiện căn là không tham, không sân, không si. hết thảy thiện pháp sanh từ những điều này. Thiện căn của Bồ Tát chỉ có một thứ là tinh tấn.

(Kinh) Xá Lợi Phật! Tây Phương Thế Giới hữu Vô Lượng Thọ Phật, Vô Lượng Tướng Phật, Vô Lượng Tràng Phật, Đại Quang Phật, Đại Minh Phật, Bảo Tướng Phật, Tịnh Quang

Phật, như thị đẳng hằng hà sa số Chư Phật, các u kỳ quốc, xuất quảng trường thiệt tướng, biến phủ Tam Thiên Đại Thiên Thế Giới, thuyết thành thật ngôn: “Nhữ đẳng chúng sanh đương tín thị Xưng Tán Bất Khả Tư Nghị Công Đức Nhất Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm Kinh”.

(Giải) Vô Lượng Thọ Phật dữ Di Đà đồng danh, thập phương các phương diện, đồng danh Chư Phật vô lượng dã. Nhiên tức thị Đạo Sư diệc khả. Vị độ chúng sanh, bất phương chuyển tán Thích Ca Như Lai sở thuyết.

(Chánh Kinh: Trong các Thế Giới ở Phương Tây có Vô Lượng Thọ Phật, Vô Lượng Tướng Phật, Vô Lượng Tràng Phật, Đại Quang Phật, Đại Minh Phật, Bảo Tướng Phật, Tịnh Quang Phật, các Đức Phật nhiều như số cát sông Hằng như thế đó, mỗi vị ở trong nước mình, hiện tướng lưỡi rộng dài, che khắp Tam Thiên Đại Thiên Thế Giới, nói lời thành thật: “Chúng sanh các người hãy nên tin Kinh Khen Ngợi Công Đức Chẳng Thế Nghĩ Bàn Được Hết Thủy Chư Phật Hộ Niệm này”.

Giải: Vô Lượng Thọ Phật cùng tên với A Di Đà Phật. Trong mười phương, tại mỗi phương có vô lượng Chư Phật mang cùng tên. Nhưng dù cho Vô Lượng Thọ Phật chính là Đạo Sư A Di Đà

Phật thì cũng vẫn được. Vì độ chúng sanh nên khen ngợi lời Thích Ca Như Lai đã nói cũng đâu có trở ngại gì).

Những vị Phật có cùng danh hiệu với A Di Đà Phật trong Tây Phương Cực Lạc Thế Giới chẳng biết là bao nhiêu! Vì rộng độ chúng sanh, các vị Phật khen ngợi lẫn nhau. A Di Đà Phật cũng khen ngợi Thích Ca Mâu Ni Phật, mà cũng tán thán Mười Phương Thế Giới Chư Phật. Phương Nam biểu thị tu huệ, phương Tây biểu thị tu phước. Trì danh niệm Phật là phước huệ song tu.

Vị Phật thứ nhất là Vô Lượng Thọ Phật (Amitayus Buddha), Vô Lượng Thọ tượng trưng cho phước thọ. Trong các thứ phước đức, Thọ là bậc nhất. A Di Đà dịch là Vô Lượng, chẳng những thọ mạng vô lượng, mà quang minh, trí huệ, đức năng, thần thông của Ngài đều vô lượng. Trong các thứ vô lượng, thọ mạng là cao tột nhất. Nếu không có tuổi thọ thì hết thấy những thứ khác cũng như không.

Vị thứ hai là Vô Lượng Tướng Phật (Amitalaksana Buddha). “Tướng” biểu thị phú quý. Những thầy bói trong và ngoài nước, hễ xem tướng đều phân biệt phú quý hay bần tiện. Tướng chuyển theo tâm. Tướng tốt đẹp nhất trong thế gian là Phật tướng. Phật có ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp phụ. Hãy nên biết: Tướng là quả báo, có quả ắt phải có nhân. Chẳng hạn như ba đời không nói dối,

đầu lưỡi có thể liếm đụng chót mũi. Kinh dạy: Bồ Tát sau khi thành Phật còn phải tu phước trong một trăm kiếp, tu tướng hảo trang nghiêm. Nhiếp thọ chúng sanh không chỉ cần phải có Huệ mà còn phải có Phước. Có người học vấn rất giỏi, nhưng giảng Kinh chẳng ai thích nghe, là vì vô phước. A Nan trông thấy tướng hảo của Phật liền phát nguyện xuất gia. Phật có vô lượng tướng, tướng có vô lượng hảo, ba mươi hai tướng, tám mươi thứ hảo chính là tướng được thị hiện nơi thân Liệt Ứng của Phật Thích Ca.

Vị Phật thứ ba là Vô Lượng Tràng Phật (Amitadhvaja Buddha). Thời cổ có tràng, phan. Tràng (dhvaja) hình tròn, còn Phan (patākā hoặc ketu) thì dẹp. Tràng giống như ống thông gió ở phi trường. Tại Đại Lục và Nhật Bản vẫn còn thấy có Tràng. Tác dụng của nó là tuyên cáo hoặc thông cáo. Phật Giáo là giáo dục, tôn trọng thầy, chỉ nghe “tới học”, chứ chưa nghe “đến dạy”. Nhà Phật từ xưa đến nay chưa từng nghe nói có chuyện chiêu sinh, cũng chẳng dám mang ý tưởng làm thầy người khác. Do vậy trách nhiệm tiếp dẫn đại chúng đều do học sinh. Sau này, các vị Tổ Sư Đại Đức hể hoằng hóa ở một nơi nào, nếu trong Chùa có giảng Kinh, sẽ treo tràng trên cột cờ ngoài miếu, biểu thị hôm nay trong Chùa có giảng Kinh, ai muốn đến nghe cứ tự do tham gia. Nếu tổ chức pháp hội thì treo phan.

Vị Phật thứ tư là Đại Quang Phật (Mahaprabha Buddha) biểu thị Căn Bản Trí, vị Phật thứ năm là Đại Minh Phật (Mahanirbhasa Buddha) biểu thị Hậu Đắc Trí. Hai thứ trí huệ, “đại quang” là Tự Thụ Dụng, “đại minh” là Tha Thụ Dụng. Đối với hết thầy pháp, pháp nào Phật cũng hiểu rõ, nhưng chẳng phân biệt, chẳng chấp trước, tợ hồ hoàn toàn không biết, chưa khởi tâm, chưa động niệm, vạn pháp bình đẳng, vạn pháp giống hệt như một, đây chính là hiện tượng của Căn Bản Trí. Nếu có người hướng về Phật thưa hỏi, Phật liền giải đáp tận cội nguồn của chuyện được hỏi ấy. Đó là Hậu Đắc Trí, không gì chẳng biết.

Vị Phật thứ sáu là Bảo Tướng Phật (Ratnalaksana Buddha). Bảo (寶) có nghĩa là tôn quý thù thắng. Từ Vô Lượng Thọ Phật đến Bảo Tướng Phật là phước đức vô lượng vô biên. Thuyết minh đại khái đức hiệu của sáu vị Phật là “nếu không có phước sẽ chẳng thể độ chúng sanh”. Phật còn như thế, huống là từ Bồ Tát trở xuống! Thầy Lý một đời giảng Kinh, thuyết pháp, mở lớp học Kinh ở Đài Trung, thường bảo chúng tôi phải tu phước, kết pháp duyên với chúng sanh. Phương thức rất nhiều, như khi thầy Lý giảng Kinh thì chăm sóc thính chúng nhằm kết duyên với họ. Pháp duyên của tôi rất tốt, dùng in Kinh để kết duyên, càng kết càng rộng.

Vị Phật thứ bảy, tức vị Phật cuối cùng trong phương Tây, là Tịnh Quang Phật (Suddharaśmiprabha Buddha), dạy chúng ta phương pháp tu phước: Phải tịnh, phải quang minh. Tịnh là tam nghiệp thanh tịnh, tâm địa phải chánh đại quang minh. Thanh tịnh nhất định phải đoạn sạch mười ác nghiệp. Tuy tu Thập Thiện nghiệp, nhưng chẳng chấp vào tướng tu thiện, tam luân thể không, thì gọi là “tịnh nghiệp”. Trong hết thảy các bức vẽ hình Phật, phía trên có viết ba chữ bằng tiếng Phạn là “Ông, A, Hồng” (Aum, Ah, Hum), nghĩa là “tam nghiệp thanh tịnh”. Ông (Aum) là thân, A (Ah) là khẩu, Hồng (Hum) là ý. Ba nghiệp thanh tịnh, tâm địa đương nhiên chánh đại quang minh, không có tư hào ác niệm và ngã chấp. Có Ngã sẽ có riêng tư, tâm địa chẳng quang minh. Ngã đã không có, nào còn có Ngã Sở? Phá được Ngã Chấp thì mới thật sự chánh đại quang minh. Trong Tứ Thánh Pháp Giới có tình hình như vậy. A La Hán, Bích Chi Phật phá được Ngã Chấp, lục đạo phàm phu đều có Ngã Chấp. Có tâm riêng tư sẽ chẳng bình đẳng. Có sai biệt sẽ sanh phiền não, nghiệp chướng. Muốn tu đại phước đức, phải dụng công nơi tam nghiệp thanh tịnh và tâm địa quang minh thì mới có thể thành tựu viên mãn phước đức xứng tánh. Vị Phật cuối cùng nhằm giáo hóa phương pháp tu hành.

Chư Phật trong các Thế Giới ở phương Tây cũng đều ở trong cõi nước của mỗi vị, giống như Phật Thích Ca, vì hết thầy chúng sanh mà tuyên giảng Kinh A Di Đà, tán thán y báo và chánh báo trang nghiêm trong Tây Phương Thế Giới, khuyến khích mọi người hãy tin nguyện trì danh cầu sanh Tịnh Độ. Do vậy, hết thầy Chư Phật đều nói Kinh này, khế cơ, khế lý. Phật Thích Ca thuyết pháp trong Thế Giới này bốn mươi chín năm, thời gian không dài, Kinh Điển được Ngài giảng có hạn. Những Kinh chưa giảng rất nhiều, là vì những Kinh khác đều chẳng khế cơ, có giảng cũng vô ích. Chỉ có Pháp Môn này đối với hết thầy căn cơ đều có ích, thích hợp trọn khắp hữu tình trong pháp giới, nên không có vị Phật nào chẳng giảng Kinh A Di Đà.

(Kinh) Xá Lợi Phát! Bắc phương Thế Giới hữu Diệm Kiên Phật, Tối Thắng Âm Phật, Nan Trở Phật, Nhật Sanh Phật, Vãng Minh Phật, như thị đẳng hàng hà sa số Chư Phật, các u kỳ quốc, xuất quảng trường thiết tướng, biến phú Tam Thiên Đại Thiên Thế Giới, thuyết thành thật ngôn: “Nhữ đẳng chúng sanh đương tín thị Xưng Tán Bất Khả Tư Nghị Công Đức Nhất Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm Kinh”.

(Chánh Kinh: Trong các Thế Giới ở phương Bắc có Diệm Kiên Phật, Tối Thắng Âm Phật, Nan Trở Phật, Nhật Sanh Phật,

Võng Minh Phật, các Đức Phật nhiều như số cát sông Hằng như thế đó, mỗi vị ở trong nước mình, hiện tướng lưỡi rộng dài, che khắp Tam Thiên Đại Thiên Thế Giới, nói lời thành thật: “Chúng sanh các người hãy nên tin Kinh Khen Ngợi Công Đức Chẳng Thế Nghĩ Bàn Được Hết Thấy Chư Phật Hộ Niệm này”.

Tại phương Bắc cũng kể tên năm vị Phật, biểu thị sự hóa độ người khác. Trong phần trước, phương Nam là tu Huệ, phương Tây là tu Phước. Có đại trí huệ, có đại phước đức. Khi ấy, phải làm chuyện hóa độ chúng sanh, khiến cho họ phá mê khai ngộ, lìa khổ, được vui. Sau khi phước và huệ đầy đủ, nhất định phải học theo Chư Phật Như Lai, lấy hoằng pháp lợi sanh làm thiên chức.

Vị Phật thứ nhất là Diệm Kiên Phật (Arciskandha Buddha). Đại Diệm Kiên Phật trong phần trước là hai thứ trí huệ vừa mới tu thành, còn vị Diệm Kiên Phật này là phước huệ viên mãn, gánh vác gia nghiệp của Như Lai, hoằng pháp lợi sanh.

Vị Phật thứ hai là Tối Thắng Âm Phật (Vaishvanaranirghosha Buddha). Chúng sanh trong Mười Phương Thế Giới căn tánh khác nhau. Chúng sanh trong Thế Giới này nhĩ căn lanh lợi nhất, như trong Kinh Lăng Nghiêm, Văn Thù Bồ Tát vì Thế Giới này chọn lựa pháp Viên Thông đã nói: “Thử phương chân giáo thể, thanh tịnh tại âm văn” (Chân giáo thể phương này, thanh tịnh nơi nghe

tiếng). Không lão phu tử dạy học dùng âm thanh, Phật Thích Ca cũng giống như vậy. Không có Kinh sách, văn tự, hoàn toàn dựa vào lời nói. Trong các Kinh, Kinh A Di Đà thù thắng nhất. Kinh Vô Lượng Thọ tuy xưng tụng là Kinh bậc nhất về Tịnh Độ, giới thiệu viên mãn y báo chánh báo trang nghiêm trong Tây Phương Thế Giới, nhưng nguyên tắc cơ bản nhất là Kinh A Di Đà, vì Tín Nguyện Hạnh là điều kiện Vãng Sanh quan trọng nhất. Một lần, rồi hai lần, rồi lại ba lần khuyên lơn, khích lệ chúng ta, xót lòng rất miệng giáo huấn. Kinh Văn tuy không nhiều, lời lẽ đơn giản, nhưng ý bao trùm. Tối Thắng Âm chính là dạy chúng ta hãy niệm Phật, tuyên nói Kinh này.

Vị Phật thứ ba là Nan Trở Phật (Dushpradharsha Buddha), Trở là trở ngại, Nan Trở (khó thể gây chướng ngại) bao hàm ý nghĩa ủng hộ chánh pháp, dũng mãnh tinh tấn, hàng phục ma chướng. Ma chướng xảy đến là do đời đời kiếp kiếp tạo ác nghiệp vô lượng vô biên, kết oán cừu với chúng sanh quá nhiều, cho nên họ thường tới xâm phạm hãm hại. Lúc Đức Phật tại thế cũng có nhiều ma nạn. Học Phật chẳng phải là thuận buồm xuôi gió. Lục Tổ Huệ Năng Đại Sư từng lánh nạn suốt mười lăm năm trong đám thợ săn, chẳng dám lộ diện. Ngài là người đắc đạo, là bậc Pháp Thân Đại Sĩ minh tâm kiến tánh mà còn như thế. Trong thế gian

hiện thời, yêu ma quỷ quái chỗ nào cũng có, ắt phải có Định Huệ để hàng phục ma oán, khắc phục hết thảy những thử thách khó khăn.

Nan Trở Phật vừa được nêu lên trên đây, tượng trưng cho ý nghĩa hoằng dương, bảo vệ chánh pháp, chẳng bị ma vương ngoại đạo, hết thảy chướng ngại ngăn trở, nhiễu loạn. Vị Phật tiếp đó, là vị thứ tư, Nhật Sanh Phật (Adityasambhava Buddha), tượng trưng sự dạy học tăng trưởng. “Nhật” tượng trưng trí huệ. Chỉ có đột phá hết thảy chướng ngại, khó khăn thì trí huệ mới tăng trưởng, chánh pháp mới có thể thường trụ thế gian, lợi ích chúng sanh.

Vị Phật cuối cùng, thứ năm, là Vông Minh Phật (Jaliniprabha Buddha). “Võng” là cái lưới, hình dung chúng sanh trầm luân trong biển khổ, Bồ Tát dùng lưới vớt lên để cứu độ họ. Vô lượng Pháp Môn đến cuối cùng nhất định phải dẫn về Cực Lạc. Chẳng sanh Tịnh Độ, ắt phải vào luân hồi. Chúng ta chẳng thể đoạn Kiến Tư phiền não, tập khí vọng tưởng, chấp trước thì lục đạo sẽ do đây mà có. Có một loại chúng sanh, công phu định lực rất sâu, nhưng vẫn ở trong lục đạo, do tập khí vọng tưởng chẳng hiện hành bèn tự cho là đã đắc Đại Niết Bàn. Thật ra, họ đắc Vô Tướng Định, vẫn ở trong lục đạo, tuy tập khí phiền não chẳng hiện hành, căn bệnh là do một tí vô minh ngăn lấp. Chỗ khó khăn của chúng sanh là chẳng

rót vào bên vọng tưởng thì sẽ rơi vào bên vô minh. Định của Phật, Bồ Tát không có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, thông đạt hiểu rõ hết thảy vạn pháp, tâm địa quang minh chẳng phải là tối tăm, cảnh giới bên ngoài đều hiểu rõ. Nếu có Định rất sâu mà bất cứ chuyện gì bên ngoài cũng chẳng biết thì tu thành công bất quá là Vô Tướng Định đó thôi! Tương lai, sau khi chết sẽ sanh lên Vô Tướng Thiên trong Tứ Thiên Thiên, thuộc ngoại đạo, ngoại đạo là ma.

(Kinh) Xá Lợi Phật! Hạ phương Thế Giới hữu Sư Tử Phật, Danh Văn Phật, Danh Quang Phật, Đạt Ma Phật, Pháp Tràng Phật, Trì Pháp Phật, như thị đẳng hàng hà sa số Chư Phật, các u kỳ quốc, xuất quảng trường thiết tướng, biến phú Tam Thiên Đại Thiên Thế Giới, thuyết thành thật ngôn: “Nhữ đẳng chúng sanh đương tín thị Xưng Tán Bất Khả Tư Nghị Công Đức Nhất Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm Kinh”.

(Giải) Thử giới thủy luân, kim luân, phong luân chi hạ, phục hữu hạ giới Phi Phi Tướng Thiên đẳng, nãi chí trùng trùng vô tận dã. Đạt Ma thử vân Pháp.

(Chánh Kinh: Trong các Thế Giới ở phương dưới có Sư Tử Phật, Danh Văn Phật, Danh Quang Phật, Đạt Ma Phật, Pháp Tràng Phật, Trì Pháp Phật, các Đức Phật nhiều như số cát sông

Hằng như thế đó, mỗi vị ở trong nước mình, hiện tướng lười rộng dài, che khắp Tam Thiên Đại Thiên Thế Giới, nói lời thành thật: “Chúng sanh các người hãy nên tin Kinh Khen Ngợi Công Đức Chẳng Thế Nghĩ Bàn Được Hết Thấy Chư Phật Hộ Niệm này”.

Giải: Phía dưới thủy luân, kim luân và phong luân của Thế Giới này lại có các cõi Trời như Phi Phi Tướng v.v... của Thế Giới ở phương dưới, cho đến trùng trùng vô tận. Đạt Ma được cõi này dịch là Pháp).

Trong các Thế Giới ở phương dưới nêu tên sáu vị Phật, tượng trưng cho ý nghĩa phổ độ giáo hóa. Vị Phật thứ nhất là Sư Tử Phật (Simha Buddha), tỷ dụ Đức Phật thuyết pháp. Sư tử là vua trong các loài thú, gầm một tiếng, trăm loài thú đều run sợ. Phật thuyết pháp thì hết thảy tà môn ngoại đạo đều bị hàng phục. Do vậy, ví Phật thuyết pháp như sư tử rống. Bồ Tát thay Phật thuyết pháp, được gọi là Pháp Vương Tử. Pháp Vương Tử thay Phật thuyết pháp, chẳng hai, chẳng khác gì Phật thuyết pháp, cũng có thể gọi là “sư tử hồng”.

Vị Phật thứ hai là Danh Văn Phật (Yasa Buddha), nói về mức độ nổi tiếng của Phật, Bồ Tát. Như tại Trung Quốc “gia gia Quán Thế Âm, hộ hộ Di Đà Phật” (nhà nhà Quán Thế Âm, nhà nhà Di Đà Phật), mọi người đều biết. Vị Phật này tượng trưng cho bậc

nhân thiên Đại Sư, có năng lực, có trí huệ giáo hóa hết thảy chúng sanh, như Quán Âm, Địa Tạng, Văn Thù, Phổ Hiền, cho đến các vị Tổ Sư các tông phái đều là thay Phật hành hóa.

Vị Phật thứ ba là Danh Quang Phật (Yaśaprabhava Buddha). Quang tượng trưng trí huệ, ứng cơ thuyết pháp, pháp âm vang xa, khiến cho hết thảy chúng sanh phá mê khai ngộ, được thụ dụng chân thật nơi Phật Pháp, tức là hễ có thực chất thì danh tiếng sẽ đồn về.

Vị Phật thứ tư là Đạt Ma Phật (Dharma Buddha), tượng trưng cho sự thừa, đặc biệt chỉ Tịnh Độ Tông. Tịnh Độ Tông là do A Di Đà Phật trực tiếp truyền xuống. A Di Đà Phật truyền cho Chư Phật, Tổ Sư các tông đều là đời đời truyền cho nhau, chỉ riêng Tịnh Độ Tông chẳng có. Lịch đại Tổ Sư của Tịnh Độ Tông là những vị Đại Đức xuất gia, cả đời chuyên tu chuyên hoằng dương Tịnh Độ Tông, người đời sau suy tôn các Ngài là “nhất đại Tổ Sư”. Tại Trung Quốc, từ thoát đàu là Huệ Viễn Đại Sư mãi cho đến thời Dân Quốc, trong lịch sử, những vị chuyên tu, chuyên hoằng dương gồm mười ba vị, vị cuối cùng là Ấn Quang Đại Sư. Do vậy, Tổ Sư Tịnh Độ Tông được người đời tôn xưng là “Đại Sư”. Đại Sư là tiếng tôn xưng Phật, đây là một kiến thức thông thường trong việc học Phật. Xưng hô người khác chớ nên quá phận, chỉ có Tổ Sư

Tịnh Độ Tông đáng gọi là Đại Sư, Phật có năng lực giáo hóa hết thảy chúng sanh thành Phật. Tổ Sư Tịnh Độ Tông có sư thừa từ Phật, cũng dùng tín nguyện trì danh, dạy chúng sanh Vãng Sanh bất thoái thành Phật, giáo pháp hoàn toàn giống như Chư Phật, nhân đồng, quả cũng đồng. Do vậy, gọi các Ngài là Đại Sư chẳng quá lố tí nào. Bồ Tát thì gọi là Đại Sĩ hoặc Khai Sĩ, Chánh Sĩ, chẳng thể gọi là Đại Sư.

Trước khi Đức Phật diệt độ đã chỉ dạy hậu thế một phương pháp ôn hòa, tốt đẹp là “Tứ Y Pháp”. nếu người đời sau tuân thủ Tứ Y Pháp thì sẽ chẳng khác gì khi Đức Phật còn tại thế.

Thứ nhất là “y pháp, bất y nhân” (tuân theo pháp, đừng tuân theo người nói pháp). Trong tác phẩm chú giải Quán Kinh, Thiện Đạo Đại Sư đã giảng điều này hết sức rõ ràng. Kể từ những Pháp Sư, Đại Đức thông thường cho đến hàng Pháp Thân Đại Sĩ, Đăng Giác Bồ Tát, nếu lời nói của các vị đại thiện tri thức ấy không tương ứng với những gì được dạy trong Kinh Phật thì chớ nên tuân theo. Có kẻ còn nói quá đáng: “Mười phương Chư Phật nói Pháp Môn Tịnh Độ do Phật Thích Ca đã nói chính là phương tiện quyền biến, thiện xảo, chẳng phải là chân thật”. Chúng ta cũng chớ nên tin theo. Bởi lẽ, Phật Phật đạo đồng, nếu nói pháp chẳng giống nhau sẽ thuộc về ngoại đạo.

Thứ hai là “y nghĩa, bất y ngữ” (tuân theo ý nghĩa, đừng tuân theo lời nói). Ngôn ngữ nói dài, nói ngắn, nói sâu, nói cạn, đều chẳng sao hết, hễ ý nghĩa đúng là được rồi, không cần phải chấp trước. Kinh Phật bằng tiếng Phạn từ Ấn Độ truyền sang, có rất nhiều bản dịch. Như Kinh Vô Lượng Thọ có đến mười hai bản dịch, đã bị thất truyền bảy bản, hiện thời lưu truyền trong cõi đời chỉ có năm loại. Lại như Kinh A Di Đà, Ngài La Thập và Huyền Trang mỗi vị đều có bản dịch riêng, văn tự khác nhau, nhưng ý nghĩa chẳng khác gì. Vì thế, chớ nên tranh luận về mặt văn tự.

Thứ ba, “y liễu nghĩa, bất y bất liễu nghĩa”. So sánh hết thầy Kinh, nếu Kinh nào có thể giúp con người liễu sanh tử thì là “liễu nghĩa”. Có một số người chí nguyện chẳng cao, chỉ cầu phước báo nhân thiên, Phật liền giảng những Kinh Điển liên quan tới Ngũ Giới, Thập Thiện để thuận theo ý nguyện của họ. Trước kia, những tiểu thuyết lịch sử hoặc tuồng hát Trung Quốc diễn nói những chuyện thiện ác nhân quả báo ứng, khuyên người ta bỏ ác hướng lành, bao hàm ý nghĩa giáo dục rất sâu, có ảnh hưởng đúng đắn tới xã hội. Trong lục đạo của thế gian không có sự sung sướng thật sự, mà có thì cũng chẳng thể giữ cho nó tồn tại vĩnh viễn được! Sang như thiên tử, giàu có khắp bốn biển, hằng ngày vẫn phải ngăn ngừa kẻ khác lật đổ chánh quyền, chịu áp lực tinh thần, hồi hộp không

yên, khổ não hết sức. Đức Phật nói ba cõi chẳng yên, ví như nhà lửa. Nếu con người có thể thật sự suy nghĩ thấu suốt thì mới buông xuống được, và còn tiến hơn một bước nữa là muốn vượt thoát tam giới. Nếu muốn vượt thoát tam giới mà có tâm lượng bảo thủ thì Đức Phật dạy họ học pháp Tiểu Thừa, còn người tâm lượng rộng mở thì Đức Phật dạy họ học Đại Thừa. Nếu cầu liễu nghĩa rốt ráo thì trong vô lượng vô biên Pháp Môn, chỉ có “tín nguyện trì danh” của Kinh A Di Đà là có thể chứng đắc viên mãn Phật quả ngay trong một đời.

Thứ tư, “y Trí, bất y Thức”. Trí là lý trí, Thức là tình thức. Điều này dạy chúng ta nên vận dụng thái độ nào để chọn lựa Pháp Môn tu học. Lục đạo, Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, Phật, mỗi một giai đoạn đều là giai đoạn sau vượt trội giai đoạn trước, giai đoạn sau là liễu nghĩa, giai đoạn trước là bất liễu nghĩa. Chẳng hạn như đem Bồ Tát so với Phật thì Phật là liễu nghĩa, Bồ Tát là chẳng liễu nghĩa. Cứ suy luận tương tự như vậy, chúng ta phải dùng lý trí để chọn lựa Pháp Môn liễu nghĩa rốt ráo, xin hãy đừng vì cảm tình vương mắc mà chọn Pháp Môn chẳng liễu nghĩa. Kinh A Di Đà là liễu nghĩa nhất trong các môn liễu nghĩa, là Đại Thừa nhất trong các pháp Đại Thừa. Nay ta đã tiếp nhận Pháp Môn liễu nghĩa rốt ráo này thì bất cứ Pháp Môn nào khác cũng nhất định phải nên triệt

đề buông xuống, chính mình phải có lý trí, đừng chịu ảnh hưởng của người khác. Tôi thường khuyên các đồng tu, chúng ta quy y A Di Đà Phật, làm đệ tử tốt của Phật, nương theo Trí, đừng dựa theo Thức. Đặc biệt là Kinh Di Đà và chương Đại Thế Chí Bồ Tát Niệm Phật Viên Thông đã chuyên giảng nói Pháp Môn Tịnh Độ đến tột bậc, thuần đến tột bậc. Một bộ Kinh, thậm chí một câu danh hiệu là đủ rồi, những thứ khác đều buông xuống hết, tâm sẽ Định. Lão Cư Sĩ Hạ Liên Cư bảo Đại Thế Chí Bồ Tát là Sơ Tổ của Tịnh Tông trong pháp giới, Ngài dạy chúng ta niệm “chẳng cần đến phương tiện nào khác mà tâm tự được khai ngộ”. Chẳng cần đến phương pháp nào khác để phụ trợ, một câu Phật hiệu sẽ thành công. “Đô nhiếp lục căn, tịnh niệm tương kế” (Nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm liên tục), quyết định chẳng để xen tạp! Học Lăng Nghiêm, Pháp Hoa, Hoa Nghiêm, đều gây chướng ngại cho tâm thanh tịnh. Hãy học theo Tổ Sư, Đại Đức, “Tam Tạng mười hai bộ Kinh nhường cho người khác ngộ!” Đó là sự chọn lựa bằng trí huệ đầy nhé.

Kinh A Di Đà là tiêu bản của Kinh Vô Lượng Thọ, là bản tinh túy nhất. Kinh Vô Lượng Thọ là Kinh Di Đà được giảng căn kẽ. Vì thế, Cổ Nhân gọi là Đại Bản và Tiểu Bản. Tịnh Độ là chỗ quy túc của Hoa Nghiêm, mà cũng là tổng kết của Hoa Nghiêm. Bản hội tập Kinh Vô Lượng Thọ của cụ Hạ gồm bốn mươi tám

phẩm, trong ấy lấy phẩm thứ sáu “bốn mươi tám nguyện” làm bậc nhất. Trong bốn mươi tám nguyện, tuân theo cách giảng của Cổ Nhân thì nguyện thứ mười tám là bậc nhất. Nguyện thứ mười tám là “mười niệm ắt sanh”. Do điều này, có thể thấy rõ: Trì danh niệm Phật là bậc nhất. Niệm một tiếng A Di Đà Phật chính là niệm hết thấy Chư Phật. Một chính là hết thấy, hết thấy chính là một. Đọc một bộ Kinh A Di Đà giống như đọc vô lượng vô biên Kinh Luận của mười phương tam thế Chư Phật đã giảng. Những Kinh Luận khác đều có thể buông xuống.

Vị Phật thứ năm là Pháp Tràng Phật (Dharmadhvaja Buddha). “Pháp Tràng” là làm mẫu cho chúng sanh. Dụng pháp tràng là phổ biến, tuyên dương Pháp Môn, Kinh Điển, tạo dụng pháp tràng đây! Đầu thời Dân Quốc, Ấn Quang Pháp Sư lập Đạo Tràng tại Tô Châu, là Đạo Tràng Tịnh Tông duy nhất thời ấy. Bất cứ ai chỉ muốn chuyên tu Tịnh Độ đều được hoan nghênh, lại còn quy định “không thu nhận đồ đệ, không truyền giới, không giảng Kinh, không tổ chức pháp hội”. Một năm ba trăm sáu mươi lăm ngày đều niệm Phật, mỗi ngày đều giống như đả Phật thất. Hiện thời, chúng ta kiến lập Đạo Tràng, cũng mong noi theo quy củ của Ấn Tổ (tổ Ấn Quang), nhưng nhất định phải giảng Kinh, vì con người hiện thời hiểu làm Tịnh Độ rất sâu, nhất định phải nói rõ ràng, khiến

cho những người đã nhập môn tâm sẽ Định, người chưa nhập môn nghe xong sẽ khởi lòng ngưỡng mộ. Giảng đường và Niệm Phật Đường phải tách rời, nghe Kinh hay niệm Phật tùy ý. Mỗi ngày giảng Kinh hai tiếng, niệm Phật tám tiếng, phổ biến Tịnh Tông, hoằng dương trên toàn Thế Giới, ấy là thật sự báo ân Phật.

Vị Phật thứ sáu là Trì Pháp Phật (Dharmadhara Buddha), học nhân Tịnh Tông ắt phải tùy thuận giáo huấn chân thật của Chư Phật, quyết chí cầu Vãng Sanh, vĩnh viễn không ngờ vực.

(Kinh) Xá Lợi Phát! Thượng phương Thế Giới hữu Phạm Âm Phật, Tú Vương Phật, Hương Thượng Phật, Hương Quang Phật, Đại Diệm Kiên Phật, Tạp Sắc Bảo Hoa Nghiêm Thân Phật, Sa La Thụ Vương Phật, Bảo Hoa Đức Phật, Kiến Nhất Thiết Nghĩa Phật, Như Tu Di Sơn Phật, như thị đẳng hằng hà sa số Chư Phật, các u kỳ quốc, xuất quảng trường thiết tướng, biến phủ Tam Thiên Đại Thiên Thế Giới, thuyết thành thực ngôn: “Nhữ đẳng chúng sanh đương tín thị Xưng Tán Bất Khả Tư Nghị Công Đức Nhất Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm Kinh”.

(Chánh Kinh: Trong các Thế Giới ở phương trên có Phạm Âm Phật, Tú Vương Phật, Hương Thượng Phật, Hương Quang Phật, Đại Diệm Kiên Phật, Tạp Sắc Bảo Hoa Nghiêm Thân Phật, Sa La Thụ Vương Phật, Bảo Hoa Đức Phật, Kiến Nhất Thiết Nghĩa

Phật, Như Tu Di Sơn Phật, các Đức Phật nhiều như số cát sông Hằng như thế đó, mỗi vị ở trong nước mình, hiện tướng lưỡi rộng dài, che khắp Tam Thiên Đại Thiên Thế Giới, nói lời thành thật: “Chúng sanh các người hãy nên tin Kinh Khen Ngợi Công Đức Chẳng Thể Nghĩ Bàn Được Hết Thủy Chư Phật Hộ Niệm này”).

Trong phương trên, nói ra danh hiệu của mười vị Phật. “Mười” biểu thị đại viên mãn, giác hạnh viên mãn, một đời thành Phật, nói như vậy để tổng kết. Phải hơn bốn mươi năm tôi mới nhận biết giá trị của Tịnh Độ, quả thật chẳng dễ dàng. Có người gặp được Pháp Môn này, ở ngay trước mặt mà bỏ lỡ, thật đáng tiếc!

Vị Phật thứ nhất là Phạm Âm Phật (Brahmahghosa Buddha). Phạm Âm là thuyết pháp thanh tịnh. Trong sáu phương Phật, danh hiệu những vị Phật ở phương Đông thể hiện thái độ cơ bản để tu học, mục tiêu mong cầu và cương lĩnh của phương pháp tu hành. Danh hiệu các vị Phật ở phương Nam chỉ rõ Pháp Môn này nương vào trí huệ sẵn có trong tâm tánh, có đại trí huệ thì mới có thể chọn lựa Pháp Môn này. Danh hiệu những vị Phật ở phương Tây dạy chúng ta tu phước, niệm Phật là biến phước đức do A Di Đà Phật đã tu trong vô lượng kiếp thành phước đức của chính mình. Trong một câu Phật hiệu có tin thật, nguyện thiết, trì danh, một mà ba, ba

nhưng một thì gọi là “tương ứng”. Phước huệ thành tựu sẽ gánh vác sự nghiệp giáo hóa chúng sanh của Như Lai. Đến phương dưới là thực hiện sự nghiệp phổ biến, giáo hóa rộng rãi, cho đến phương trên là viên mãn rốt ráo. Vị Phật thứ nhất biểu thị sự thuyết pháp thanh tịnh. Nếu trong lời thuyết pháp mà còn có danh văn, lợi dưỡng sẽ chẳng thanh tịnh. Làm nhiều chuyện lợi ích chúng sanh, nhưng trong tâm sạch sẽ, chẳng có tí nhiễm trước nào. Kinh Kim Cang dạy: “Nhược Bồ Tát hữu Ngã Tướng, Nhân Tướng, Chúng Sanh Tướng, Thọ Giả Tướng, tức phi Bồ Tát” (Nếu Bồ Tát có tướng Ta, tướng Người, tướng Chúng Sanh, tướng Thọ Giả thì chẳng phải là Bồ Tát). Đây là lời khai thị thuộc nửa phần đầu Kinh Kim Cang. Nửa phần sau là nói đến “Ngã Kiến”. Kiến là ý niệm. Làm hết thấy thiện hạnh, nhưng tâm giống như chẳng có chuyện gì thì gọi là không có Ngã Kiến, cho đến không có Tứ Kiến.

Vị Phật thứ hai là Tú Vương Phật (Nakshatraraja Buddha). Chữ Tú đọc âm Tú. Tinh Tú là những chòm sao ta thấy vào ban đêm. Trong ấy, tinh cầu lớn nhất là mặt trăng, tượng trưng pháp Đại Thừa thù thắng nhất do Đức Phật đã giảng, là con đường tắt nơi vô thượng đạo.

Vị Phật thứ ba là Hương Thượng Phật (Gandhottama Buddha), tượng trưng cho con đường tắt trong các pháp Đại Thừa,

tức Thiên Tông. Phẩm thứ năm, tức phẩm Sám Hối trong Lục Tổ Đàn Kinh chính là truyền dạy phương pháp tu học trong Thiên Tông. Năm phần Pháp Thân Hương là Giới Hương, Định Hương, Huệ Hương, Giải Thoát Hương và Giải Thoát Tri Kiến Hương. Thiên Tông là pháp Đại Thừa nhất trong các pháp Đại Thừa, tượng trưng cho con đường gần nhất trong những con đường.

Vị Phật thứ tư là Hương Quang Phật (Gandhaprabhasa Buddha), tượng trưng cho Tịnh Tông. Trong Niệm Phật Viên Thông Chương, Đại Thế Chí Bồ Tát gọi Tịnh Tông là Hương Quang Trang Nghiêm. Điểm đặc sắc của Tây Phương là quang minh và hương báu, bất cứ vật chất nào cũng đều tỏa hương. Cõi Tây Phương hương báu tỏa ngát lan xa, là Thế Giới được trang nghiêm bởi mùi thơm và ánh sáng (hương quang trang nghiêm). Tịnh Độ Tông là con đường tắt nhất trong những con đường tắt, là con đường tắt nhất. Ba vị Phật này hiển thị liễu nghĩa viên mãn rốt ráo. Nếu thật sự hiểu rõ, sẽ biết chọn lựa Pháp Môn như thế nào.

Vị Phật thứ năm là Đại Diệm Kiên Phật (Maharciskandha Buddha). Danh hiệu này đã được giải thích trong phần trước, nhưng ở đây mang ý nghĩa khác với phần trước. Danh hiệu trong phần trước biểu thị hai thứ trí huệ Quyền Trí và Thật Trí của chính mình đã thành tựu, có thể gánh vác gia nghiệp của Như Lai. Ở đây,

đanh hiệu này biểu thị giai đoạn viên mãn, đem Pháp Môn thù thắng nhất truyền cho những người hữu duyên trong đại chúng, để họ được thụ dụng chân thật. Người vô duyên cũng phải truyền, nếu đời này họ chẳng thụ dụng được thì một phen thoáng qua tai, vĩnh viễn trở thành hạt giống đạo. Trong A Lại Da Thức của người ấy có chủng tử đanh hiệu A Di Đà Phật. Thậm chí đến vô lượng kiếp sau, gặp được duyên, cũng có thể Vãng Sanh. Gặp hết thấy chúng sanh, hãy đều nên truyền “vô thượng đánh pháp” (pháp không còn gì cao hơn được) cho họ. Niệm Phật niệm ra tiếng khiến cho người ta nghe thấy là “truyền trao”. Hiện thời chúng ta có rất nhiều tấm băng dính (sticker) in chữ A Di Đà Phật, người khác trông thấy liền niệm một tiếng A Di Đà Phật, họ đã gieo cái nhân thành Phật.

Vị Phật thứ sáu là Tạng Sắc Bảo Hoa Nghiêm Thân Phật (Ratna kusuma sampushpitagatra Buddha). Khi Phật còn tại thế, Kinh giảng về sự “viên mãn trong một đời” thì chỉ có một bộ Kinh Hoa Nghiêm, lấy sự tu hành của Thiện Tài làm mẫu. Thiện Tài Bồ Tát viên mãn trong một đời, quả thật là do mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc của Phổ Hiền Bồ Tát nên mới có thể viên mãn trong một đời. “Tạng Sắc Bảo Hoa” hình dung một vườn hoa lớn, tỷ dụ Phật nói vô lượng vô biên Pháp Môn, không sót một pháp nào đều được bao gồm trong ấy.

Vị thứ bảy là Sa La Thu Vương Phật (Sālendraraja Buddha). Cây Sa La (Sāla) mọc tại Ấn Độ, hết sức cứng chắc. Ở đây, “Sa La Thu” biểu thị sự chứng đắc kiên cố rốt ráo viên mãn, tức là Phật quả trong Viên Giáo, thật sự là Đại Pháp Vương, và cũng biểu thị Mật Tông, chỉ rõ “Tịnh Mật bất nhị”. Tịnh và Thiền là pháp Bất Nhị, một câu “A Di Đà Phật” chính là cảnh giới vô thượng thậm thâm vi diệu Thiền mà cũng là thậm thâm Mật. Danh hiệu A Di Đà Phật thuần túy là tiếng Phạn, chẳng phiên dịch thành tiếng Hoa, là vô thượng mật chú, là Pháp Môn Đại Tổng Trì, bao gồm hết thầy Đại Thừa, Thiền Tông, Mật Tông cũng như Tiểu Thừa, viên tu, viên chứng.

Vị Phật thứ tám là Bảo Hoa Đức Phật (Ratnotpalaśri Buddha), biểu thị Báo Thân viên mãn.

Vị Phật thứ chín là Kiến Nhất Thiết Nghĩa Phật (Sarvarthadarsha Buddha), biểu thị trăm ngàn ức Hóa Thân, như Kinh Kim Cang đã nói: Như Lai ngũ nhãn viên minh, ứng khắp các căn cơ, chính là “kiến nhất thiết nghĩa” (thấy hết thấy các nghĩa).

Vị Phật thứ mười là Như Tu Di Sơn Phật (Sumerukalpa Buddha), biểu thị Pháp Thân thanh tịnh, là bản thể của vạn hữu trong Vũ Trụ.

Ba vị Phật cuối cùng biểu thị Pháp Thân, Báo Thân và Ứng Hóa Thân, một Thể ba thân, cùng với ba vị Phật ở phương Đông trước sau hô ứng. Danh hiệu của ba vị Phật ở phương Đông trong phần trước nhằm nêu ra những điều mà chúng ta hướng đến, mong cầu. Danh hiệu của ba vị Phật cuối cùng trong phương trên nhằm biểu thị điều chúng ta đích thân muốn tự chứng đắc. Đức Thế Tôn nói ra danh hiệu Chư Phật bao hàm những ý nghĩa hết sức sâu xa, ngầm dạy cho người niệm Phật lộ trình để theo đuổi trong một đời từ lúc Sơ Phát Tâm cho đến khi viên mãn Bồ Đề. Con đường ấy trải qua sáu giai đoạn, hãy nên vâng theo, phụng hành như thế nào? Phật độ chúng sanh, chúng sanh tiếp nhận sự chỉ dạy của Phật có khó dễ, sâu cạn sai khác, nói chung là vì một chữ Duyên. Đức Phật thuyết pháp có thể phát khởi thiện căn trong quá khứ của chúng sanh, làm Tăng Thượng Duyên. Đồng thời do quang minh và nguyện lực của Phật gia trì, nên tâm người niệm Phật đắc Định, trí huệ tăng trưởng, ma chẳng thể thừa dịp khuấy nhiễu được!

(Giải) Thử giới Phi Phi Tướng thiên chi thượng, phục hữu thượng giới phong luân, kim luân, cập tam giới đẳng, trùng trùng vô tận dã.

Vấn: Chư phương tất hữu Tịnh Độ, hà thiên tán Tây Phương?

Đáp: *Thử diệc phi thiện vấn. Giả sử tán A Súc Phật quốc, nhữ hựu nghi thiên Đông phương, triển chuyển hý luận!*

Vấn: *Hà bất biến duyên pháp giới?*

Đáp: *Hữu tam nghĩa, linh sơ cơ dị tiêu tâm cố, A Di bốn nguyện thẳng cố, Phật dữ thử độ chúng sanh thiên hữu duyên cố. Cái Phật độ sanh, sanh thọ hóa, kỳ gian nan dị, thiên thâm, tổng tại ư duyên. Duyên chi sở tại, ân đức hoằng thâm, chủng chủng giáo hải, năng linh hoan hỷ tín nhập, năng linh xúc động túc chủng, năng linh ma chướng nan giá, năng linh thể tánh khai phát. Chư Phật bốn tòng Pháp Thân thù tịch, cố kết duyên chủng. Nhược thế, xuất thế, tất bất khả tư nghị. Tôn long ư giáo thừa, cử dương ư hải hội, thâm nhập ư khổ hải, từ khế ư Tịch Quang. Sở dĩ vạn đức khâm thừa, quần linh củng cực. Đương tri Phật chủng tòng duyên khởi, duyên tức pháp giới, nhất niệm, nhất thiết niệm, nhất sanh, nhất thiết sanh, nhất hương, nhất hoa, nhất thanh, nhất sắc, nãi chí thọ sám, thọ ký, ma đánh, thù thủ. Thập phương tam thế, mạc bất biến dung. Cố thử Tăng Thượng Duyên nhân, danh “pháp giới duyên khởi”. Thử chánh sở vị “biến duyên pháp giới” giả dã. Thiển vị nhân, tiện khả quyết chí chuyên cầu, thâm vị nhân, diệc bất tất xả Tây Phương, nhi biệt cầu Hoa Tạng. Nhược vị Tây Phương thị Quyền, Hoa Tạng thị Thật, Tây Phương tiểu, Hoa Tạng đại giả,*

toàn đọa chúng sanh biến kế chấp tình, dĩ bất đạt Quyền Thật nhất thể, Đại Tiểu vô tánh cố dã.

(Giải: Trên Trời Phi Phi Tướng của cõi này, lại có phong luân, kim luân và tam giới v.v... của cõi trên, trùng trùng vô tận.

Hỏi: Trong các phương ất có Tịnh Độ, có gì phải riêng khen ngợi Tây Phương?

Đáp: Đây cũng chẳng phải là lời hỏi đúng lý! Giả sử khen ngợi cõi A Súc Phật thì ông lại nghi vì sao riêng khen ngợi Đông phương? Quân quanh đùa bỡn như thế đó!

Hỏi: Sao không nghĩ niệm trọn khắp pháp giới?

Đáp: Là do có ba nghĩa: Nhằm làm cho hàng sơ cơ dễ biết chỗ để chú tâm, do A Di Đà Phật có bốn nguyện thù thắng, do Phật đặc biệt có duyên với chúng sanh cõi này. Ấy là vì Phật hóa độ chúng sanh, chúng sanh tiếp nhận sự giáo hóa, trong ấy có tình trạng khó dễ, cạn sâu, nói chung là do duyên. Duyên đã có, ân đức rộng sâu, đủ mọi cách dạy bảo, khơi gợi thì sẽ có thể làm cho chúng sanh vui vẻ tin tưởng, chứng nhập, có thể dấy động chủng tử từ trong quá khứ, có thể làm cho ma khó thể gây chướng ngại, ngăn trở, có thể làm cho thể tánh khai phát. Chư Phật vốn từ Pháp Thân mà thị hiện hình tích, tạo duyên sâu chắc với chúng sanh. Dù là so với pháp thế gian hay xuất thế gian, Pháp Môn này luôn luôn

là chẳng thể nghĩ bàn, nên nó được tôn trọng nhất trong các giáo pháp và tam thừa Phật Pháp, được tuyên dương trong các hội giảng Kinh rộng lớn như biển cả của Chư Phật, thâm sâu trong biển khổ, từ bi khéo hợp với Tịch Quang. Do vậy, các bậc vạn đức (Chư Phật) đều kính trọng, tuân giữ, các sanh linh đều ngưỡng mộ tuân hành đến tột bậc. Hãy nên biết rằng: Phật chúng (hạt giống thành Phật) từ duyên mà khởi, duyên chính là pháp giới. Niệm một tức là niệm hết thấy, sanh về một là sanh về hết thấy, một hương, một hoa, một tiếng, một sắc, cho đến chấp nhận kẻ có tội đối trước Phật sám hối, thọ ký, xoa đầu, duỗi tay, mười phương ba đời không gì chẳng dung hội trọn khắp. Vì thế, tăng thượng duyên nhân gọi là “pháp giới duyên khởi”. Đây chính là “duyên trọn khắp pháp giới” vậy. Người thuộc địa vị cạn sẽ quyết chí chuyên cầu, mà người ở địa vị sâu cũng chẳng cần phải bỏ Tây Phương để riêng cầu Hoa Tạng. Nếu bảo Tây Phương là Quyền, Hoa Tạng là Thật, Tây Phương là Tiểu Thừa, Hoa Tạng là Đại Thừa, tức là hoàn toàn rơi vào tình thức Biến Kế Chấp của chúng sanh, bởi chẳng thấu hiểu Quyền và Thật cùng một Thể, Tiểu Thừa và Đại Thừa chẳng có tánh vậy).

Mười Phương Thế Giới vô lượng vô biên Chư Phật Như Lai, không một vị Phật nào chẳng khen ngợi Tây Phương Cực Lạc Thế

Giới, khen ngợi công đức chẳng thể nghĩ bàn. Công đức chẳng thể nghĩ bàn ấy nếu dựa trên Kinh này thì có thể nêu ra ba điều về mặt Sự:

- Thứ nhất là hoàn cảnh y báo của Tây Phương Thế Giới là chẳng thể nghĩ bàn.

- Thứ hai là chánh báo tức Phật Di Đà và những người Vãng Sanh Cực Lạc từ Mười Phương Thế Giới thành tựu chẳng thể nghĩ bàn.

- Thứ ba là thuyết pháp chẳng thể nghĩ bàn.

Người đời thường mong cầu Phật, Bồ Tát ban ân che chở, nếu chúng ta đọc bộ Kinh này, chiếu theo lý luận và phương pháp tu hành được dạy trong Kinh Điển, chắc chắn sẽ được hết thảy Chư Phật hộ niệm. Xin lại xem lời chú giải của Đại Sư.

Phương trên của Thế Giới chúng ta có tầng tầng vô tận các Thế Giới Phật. Có người hoài nghi: Hết thảy Chư Phật đều có Tịnh Độ, sao lại chỉ tán thán mình cõi Tây Phương? Thật ra, các phương tuy đều có Tịnh Độ, nhưng chẳng sánh bằng Tây Phương Cực Lạc Thế Giới vì Cực Lạc có ba điều như trên đây vừa nói: Hoàn cảnh y báo, đại chúng thành tựu, và thuyết pháp viên mãn. Những cõi Tịnh Độ khác chẳng có những điều ấy. Đại Sư giải đáp lại càng tuyệt hơn nữa: Lời người ấy hỏi chẳng cao minh gì! Giả sử tán

thán cõi A Súc Phật ở phương Đông, ắt người ấy sẽ hỏi vì sao lại riêng khen ngợi phương Đông. Đây hoàn toàn là hý luận, chẳng đáng bàn tới!

Lại hỏi: Sao chẳng duyên trọn khắp pháp giới? Đại Sư đáp: Có ba nghĩa:

1) Duyên trọn pháp giới nói thì dễ dàng, nhưng thực hiện khó lắm. Duyên trọn khắp pháp giới là dùng tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, phá một phàm vô minh, thấy một phần chân tánh, là cảnh giới của Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giác, phàm phu chẳng làm được! Tâm có phân biệt, chấp trước sẽ chẳng thể duyên trọn khắp pháp giới. Vì những chúng sanh đời nghiệp, sơ cơ học Phật, chưa đoạn phiền não mà chỉ ra một phương hướng, một mục tiêu thì trong phương diện tu học, họ sẽ dễ thực hiện thuận theo lòng nghĩ.

2) Người ấy lại vặn hỏi nếu chỉ nêu một mình cõi Tây Phương để hàng sơ cơ dễ có phương hướng xác định nhằm tu tập cái tâm thì lấy các phương Đông, Nam, Bắc làm mục tiêu cũng chẳng phải là không được, sao cứ nhất định phải nêu lên Tây Phương? Lý do thứ hai là vì A Di Đà Phật có bốn nguyện thù thắng. Nhằm tiếp dẫn chúng sanh, nên khi tu nhân Phật Di Đà đã phát ra bốn mươi tám nguyện, vượt trội lời nguyện của các vị Phật khác, thật là thù thắng viên mãn. Cho nên, đặc biệt chỉ bày Tây Phương.

3) A Di Đà Phật đặc biệt có duyên với cõi này. Hết thấy các pháp dù thế gian hay xuất thế gian đều do duyên. Nếu vô duyên thì đôi bên gặp mặt cũng chẳng biết nhau. Mười phương Chư Phật chẳng có duyên thù thắng với cõi này như A Di Đà Phật. Vì vậy, chúng ta cầu sanh Tây Phương Tịnh Độ khá dễ dàng. Trong Kinh Đại Thừa, Đức Thế Tôn nói “Thế Giới là duyên sanh”, tức là “do duyên mà các pháp được sanh”, giữa người với người cũng giống như vậy. Người nào đó đặc biệt có duyên với quý vị thì quý vị nói với người ấy, người ấy sẽ tin tưởng. Duyên có thiện duyên và ác duyên. Phật Pháp là thiện duyên, nhưng trong thời kỳ Mạt pháp, có rất nhiều Phật Giáo đồ dựa vào Phật để gạt gẫm người khác, trong Quán Kinh và Vô Lượng Thọ Kinh nhắc tới chuyện này rất nhiều. Không chỉ Phật Giáo, ngay cả Cơ Đốc giáo cũng nói đến chuyện thời đang gặp lúc mạt, tai họa dồn dập, tà ma, trá ngụy luôn xuất hiện, quan điểm khá giống nhau. Nếu có thể y giáo phụng hành thì sẽ có thể khai ngộ bản tánh, ma chướng chẳng có dịp gây hại được. Chư Phật Như Lai chứng đắc Pháp Thân viên mãn, Pháp Thân là bản thể của muôn loài trong Vũ Trụ. Chư Phật giác ngộ, biết tận cùng hư không, trọn khắp pháp giới có cùng một Thể với chính mình, nên bảo là “cố kết duyên chúng” (đã

gieo duyên sâu chắc). Đã là một Thế, ắt sẽ chiêu cố. Khi duyên của chúng sanh chín muồi, Phật liền đến độ kẻ ấy.

“Tôn long ư giáo thừa”: Giáo là mười hai phần giáo, còn Thừa là tam thừa Phật Pháp (Thanh Văn thừa, Duyên Giác thừa, Bồ Tát thừa). Trong hết các Kinh, Kinh này được tôn xưng long trọng nhất. “Cử dương ư hải hội”: Hết thấy các Đạo Tràng giảng Kinh của Chư Phật trong tận hư không, trọn pháp giới, không Đạo Tràng nào chẳng giảng Kinh A Di Đà. “Thấm nhập ư khổ hải”: Chữ “khổ hải” chỉ lục đạo. A Di Đà Phật và hết thấy Chư Phật có duyên sâu đậm với cõi này, tuyên dương Pháp Môn này, chúng sanh đều có thể tin sâu chẳng nghi, phát nguyện cầu Vãng Sanh. “Từ khế ư Tịch Quang”: “Từ” là từ bi. Chư Phật giới thiệu Pháp Môn thành Phật này cho phàm phu, lòng từ bi đến tột cùng! Kinh Đại Thừa nói Bồ Tát thành Phật, chứ Thanh Văn, Duyên Giác chẳng thể thành Phật. Trời, người càng chẳng có phần. Pháp Môn này chung khắp từ địa ngục A Tỳ cho đến cõi Thường Tịch Quang, một mực tự nâng cao cảnh giới cho đến khi viên mãn Phật quả trong Tịch Quang. Đây là pháp Đại Thừa nhất trong các pháp Đại Thừa, là liễu nghĩa nhất trong những pháp liễu nghĩa.

“Sở dĩ, vạn đức khâm thừa, quần linh củng cực” (Do vậy, các bậc vạn đức đều kính trọng, tuân giữ, các sinh linh đều ngưỡng mộ tuân hành đến tột bậc): Chữ “vạn đức” chỉ Chư Phật, mười phương hết thảy Chư Phật đều tôn kính, thừa sự. Chữ “quần linh” chỉ các vị thượng thiện nhân trong cõi Tây Phương, mà cũng có thể giải thích là vô lượng Bồ Tát trong mười phương, ai nấy đều tiếp nhận sự giáo huấn của A Di Đà Phật.

“Phật chủng tòng duyên khởi, duyên tức pháp giới”: Bậc Pháp Thân Đại Sĩ từ Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo trở lên mới thực hiện được “biến duyên pháp giới” (duyên trọn khắp pháp giới). Vị ấy phải có tâm bình đẳng, tâm thanh tịnh thì mới có thể duyên trọn khắp. Lý luận và phương pháp của Tịnh Tông ngầm hợp với thanh tịnh, bình đẳng. Nhất tâm niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, nhất tâm chính là thanh tịnh, bình đẳng, không phân biệt, chẳng chấp trước, chẳng có giới hạn. “Nhất sanh, nhất thiết sanh”: Sanh về Tây Phương Tịnh Độ chính là sanh về mười phương hết thảy cõi nước. Một hương, một hoa, một tiếng, một sắc, cho đến tiếp nhận sự sám hối của chúng sanh, thọ ký người ấy sẽ thành Phật, xoa đỉnh đầu, duỗi tay, khởi tâm động niệm, không gì chẳng dung hợp trọn khắp. Đây là chân tâm thường trụ. Tâm của chúng ta là vọng tâm, chưa thể thường trụ, nên gọi là “tâm viên, ý mã” (tâm như vượn nhảy

nhót tung tăng, ý như ngựa chạy lồng). Dùng phương pháp Niệm Phật để đạt đến cảnh giới này, khiến cho chân tâm bốn tánh thời thời khắc khắc hiện tiền. Trọn chớ nên coi nhẹ phương pháp Niệm Phật! Ai thật sự phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ thì người ấy đã “duyên trọn khắp pháp giới”.

Chữ “thiên vị nhân” (người thuộc địa vị cạn) chỉ kẻ thiếu công phu, phiền não nặng nề, nghiệp chướng sâu đậm, không thể dựa vào tự lực để liễu sanh tử, thoát tam giới, hãy nên hạ quyết tâm chuyên cầu Vãng Sanh Tây Phương. “Thâm vị nhân” (người thuộc địa vị sâu) là người có công phu, có thể đoạn phiền não, liễu sanh tử, thoát tam giới, chớng Bồ Đề, cũng chẳng cần phải đi lòng vòng, bỏ Tây Phương để cầu nhập Hoa Tạng trước. Đợi đến khi sanh vào Thế Giới Hoa Tạng, gặp gỡ Phổ Hiền Bồ Tát, lại phải dựa vào mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc!

(Kinh) Xá Lợi Phất! Ư nhữ ý vân hà? Hà cố danh vi Nhất Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm Kinh? Xá Lợi Phất! Nhược hữu thiện nam tử, thiện nữ nhân, văn thị Kinh, thọ trì giả, cập văn Chư Phật danh giả, thị chư thiện nam tử, thiện nữ nhân giai vi nhất thiết Chư Phật chi sở hộ niệm, giai đắc bất thoái chuyển u A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Thị cố Xá Lợi Phất! Nhữ đẳng giai đương tín thọ ngã ngữ cập Chư Phật sở thuyết.

(Chánh Kinh: Nay Xá Lợi Phất! Ý ông nghĩ sao? Vì sao gọi Kinh này có tên là “Kinh được hết thấy Chư Phật hộ niệm”? Nay Xá Lợi Phất! Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân nghe Kinh này mà thọ trì cùng nghe danh hiệu của Chư Phật thì các thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy đều được hết thấy Chư Phật hộ niệm, đều chẳng thoái chuyển nơi Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Vì thế, Xá Lợi Phất! Các ông hãy nên tin nhận lời ta và lời Chư Phật nói).

Xá Lợi Phất tuy là bậc đại trí, nhưng Phật hỏi Ngài: “Ý ông nghĩ sao?” thì Xá Lợi Phất cũng chẳng đáp được một câu. Do vậy, Đức Phật giải thích: Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân. chữ Thiện này chỉ những người thiện căn, phước đức chín muồi, nghe xong sẽ hoan hỷ, tin sâu chẳng ngờ, lòng chân thành tiếp nhận, phát nguyện cầu sanh, hạng người ấy sẽ được Chư Phật hộ niệm, “đều chẳng thoái chuyển nơi Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác”, Đây là lợi ích do chính mình chứng được. Nếu chúng ta nghĩ mình phiền não nặng nề, sợ rằng chẳng thể chứng được trọn vẹn ba món Bất Thoái bèn là nghi ngờ chính mình, tự đánh mất lợi lành. Hãy nên biết: Từng chữ, từng câu trong Kinh này đều nói hết sức khẳng định, không có lời nào mập mờ nước đôi! Cuối cùng, Đức Phật bảo Ngài Xá Lợi Phất: Các ông nhất định phải tin nhận lời ta và lời hết thấy Chư Phật đã nói.

(Giải) Thử Kinh độc thuyên vô thượng tâm yếu, Chư Phật danh tự, tịnh thuyên vô thượng viên mãn cứu cánh vạn đức. Cố văn giả giai vị Chư Phật hộ niệm. Hựu, văn Kinh, thọ trì, tức chấp trì danh hiệu, A Di danh hiệu Chư Phật sở hộ niệm cố.

(Giải: Một mình Kinh này giảng về tâm yếu vô thượng, danh hiệu của Chư Phật và giảng giải vạn đức rốt ráo viên mãn vô thượng. Vì thế, người nghe đều được Chư Phật hộ niệm. Lại nữa, nghe Kinh, thọ trì, tức là chấp trì danh hiệu, vì danh hiệu A Di Đà được Chư Phật hộ niệm).

“Độc” là duy nhất, câu “thử Kinh độc thuyên vô thượng tâm yếu” có nghĩa là chỉ có mình Kinh này giảng rõ vô thượng tâm yếu cho chúng ta. A Di Đà Phật là danh hiệu của hết thầy Chư Phật, là vạn đức đã viên mãn rốt ráo. “Vô thượng tâm yếu” chính là cái tâm tánh niệm Phật. Vì thế, niệm một vị A Di Đà Phật chính là niệm hết thầy Chư Phật Như Lai, một chính là hết thầy. Chư Phật nhân viên quả mãn, trí huệ đạt đến rốt ráo. Ba đức Pháp Thân, Bát Nhã, Giải Thoát đều đạt đến viên mãn. niệm một câu danh hiệu sẽ khởi lên tác dụng cảm ứng đạo giao với ba đức viên mãn. Chúng sanh tuy chưa chứng đắc, nhưng tự tánh đã sẵn có, ắt sẽ tương ứng tam đức do Chư Phật đã chứng nơi quả vị Như Lai. Do vậy, trong phần

trước đã có nói: “Niệm danh hiệu Phật là đem công đức của A Di Đà Phật biến thành công đức của chính mình”.

(Giải) Vấn: Đản văn Chư Phật danh, nhi vị trì Kinh, diệc đắc hộ niệm bất thoái da?

Đáp: Thử nghĩa hữu cục, hữu thông. Chiêm Sát vị: “Tập loạn cấu tâm, tuy tụng ngã danh, nhi bất vi văn, dĩ bất năng sanh quyết định tín giải, đản hoạch thế gian thiện báo, bất đắc quảng đại thâm diệu lợi ích. Nhược đáo Nhất Hạnh Tam Muội, tắc thành quảng đại vi diệu hạnh tâm, danh đắc Tương Tự Vô Sanh Pháp Nhân, nãi vi đắc văn thập phương Phật danh”. Thử diệc ưng nhĩ. Cố tu văn dĩ chấp trì, chí nhất tâm bất loạn, phương vi văn Chư Phật danh, mông Chư Phật hộ niệm. Thử cục nghĩa dã. Thông nghĩa giả, Chư Phật từ bi bất khả tư nghị, danh hiệu công đức diệc bất khả tư nghị. Cố nhất văn Phật danh, bất luận hữu tâm vô tâm, nhược tín, nhược phủ, giai thành duyên chủng. Huống Phật độ chúng sanh, bất giản oán thân, hằng vô bì quyện. Cầu văn Phật danh, Phật tất hộ niệm, hựu hà nghi yên? Nhiên cứ Kim Cang Tam Luận, căn thực Bồ Tát, vi Phật hộ niệm, vị tại Biệt Địa, Viên Trụ. Cái ước tự lực, tất nhập Đồng Sanh Tánh, nãi khả hộ niệm. Kim trọng tha lực, cố Tương Tự Vị, tức mông hộ niệm. Nãi chí Tương Tự Vị dĩ hoàn,

diệc giai hữu thông hộ niệm chi nghĩa. Hạ chí nhất văn Phật danh, u đồng thể pháp tánh, hữu tư phát lực, diệc đắc viễn nhân, chung bất thoái dã. A Nậu Đa La, thử vân Vô Thượng, Tam Miệu Tam Bồ Đề, thử vân Chánh Đẳng Chánh Giác, tức Đại Thừa quả giác dã. Viên tam Bất Thoái, nãi “nhất sanh thành Phật” dị danh. Cố khuyến Thân Tử đẳng giai đương tín thọ. Văn danh công đức như thử, Thích Ca cập thập phương Chư Phật đồng sở tuyên thuyết, khả bất tín hồ? Sơ khuyến tín lưu thông cánh.

(Giải: Hỏi: Chỉ nghe danh hiệu Chư Phật, nhưng chưa trì Kinh thì cũng được hộ niệm bất thoái ư?

Đáp: Điều này có nghĩa hạn cuộc và nghĩa phổ biến. Kinh Chiêm Sát dạy: “Tâm như tạp loạn, tuy tụng niệm danh hiệu ta, vẫn chẳng thể coi là ‘nghe’, vì chẳng thể sanh lòng tin hiểu quyết định, chỉ đạt được quả báo tốt lành trong thế gian, chẳng đạt được lợi ích sâu mâu rộng lớn. Nếu đạt được Nhất Hạnh Tam Muội, sẽ thành cái tâm tu hành rộng lớn vi diệu, gọi là đạt được Tương Tự Vô Sanh Pháp Nhân, bèn được coi là đã nghe danh hiệu của mười phương Phật”. Ở đây, cũng nên hiểu giống như vậy. Vì thế, nghe rồi, phải nên chấp trì đến mức nhất tâm bất loạn thì mới là “đã

nghe danh hiệu của Chư Phật”, được Chư Phật hộ niệm. Đây là nghĩa hạn cuộc.

Nghĩa phổ biến là Chư Phật từ bi chẳng thể nghĩ bàn, công đức của danh hiệu cũng chẳng thể nghĩ bàn. Vì thế, vừa nghe danh hiệu Phật, bất luận là hữu tâm hay vô tâm, dù tin hay không, đều tạo thành cái duyên và hạt giống thành Phật trong A Lại Da Thức. Huống chi, Phật độ chúng sanh chẳng phân biệt là kẻ oán hay người thân, luôn luôn không mệt mỏi. Nếu nghe danh hiệu Phật, ắt Phật sẽ hộ niệm, há còn đáng nghi gì nữa ư? Nhưng theo Kim Cang Tam Luận, Bồ Tát căn cơ chín muồi, được Phật hộ niệm thì địa vị thuộc Sơ Địa trong Biệt Giáo hoặc Sơ Trụ trong Viên Giáo. Bởi lẽ, luận theo phía tự lực thì phải thuộc địa vị Đồng Sanh Tánh mới được Chư Phật hộ niệm. Nay cậy vào tha lực, nên thuộc vào địa vị Tương Tự liền được Phật hộ niệm, cho đến từ địa vị Tương Tự trở xuống cũng đều có ý nghĩa “cùng được Chư Phật hộ niệm”. Thậm chí vừa nghe danh hiệu Phật thì đã có sức giúp cho đồng thể pháp tánh được phát khởi, cũng trở thành cái nhân xa, trọn chẳng bị lui sụt.

A Nậu Đa La cõi này dịch là Vô Thượng, Tam Miệu Tam Bồ Đề cõi này dịch là Chánh Đẳng Chánh Giác, tức là quả giác Đại Thừa vậy. “Trọn vẹn ba thứ Bất Thoái” chính là tên khác của

“thành Phật ngay trong một đời”. Vì thế, Đức Phật khuyên các vị như Thân Tử (Xá Lợi Phất) đều nên tin nhận. Phật Thích Ca và mười phương Chư Phật cùng tuyên nói công đức nghe danh hiệu như thế, há chẳng đáng tin ư? Tiểu đoạn thứ nhất trong phần Lưu Thông là Khuyến Tín Lưu Thông đã xong).

Đại Sư trả lời: Nghĩa này có nghĩa hạn cuộc (cục nghĩa) và nghĩa phổ cập (thông nghĩa). “Cục” là nghĩa hẹp, “thông” là nghĩa rộng. Kinh Địa Tạng gồm ba loại:

- 1) Địa Tạng Bồ Tát Bốn Nguyên Kinh được phổ biến rộng rãi nhất.
- 2) Địa Tạng Bồ Tát Thập Luân Kinh.
- 3) Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo Kinh (gọi tắt là Kinh Chiêm Sát).

Trong Kinh Chiêm Sát, có một đoạn nói: “Tạp loạn cầu tâm, tuy tụng ngã danh, nhi bất vi văn” (Tâm như tạp loạn thì tuy tụng danh hiệu ta vẫn chẳng thể coi là đã nghe). Câu này ý nói tâm tạp loạn niệm Phật không có công đức. Tuy không có công đức, vẫn đạt được quả báo tốt lành trong thế gian, chứ không đạt được “lợi ích sâu màu rộng lớn”. Lợi ích sâu màu rộng lớn là đắc Định, khai ngộ, liễu sanh tử, thoát tam giới.

“Nhược đáo Nhất Hạnh Tam Muội, tắc thành quảng đại vi diệu hạnh tâm, danh đặc Tương Tự Vô Sanh Pháp Nhẫn, nãi vi đặc văn thập phương Phật danh” (Nếu đạt được Nhất Hạnh Tam Muội sẽ thành cái tâm tu hành rộng lớn vi diệu, gọi là đạt được Tương Tự Vô Sanh Pháp Nhẫn, bèn được nghe danh hiệu của mười phương Phật). Trong Lục Tổ Đàn Kinh, Huệ Năng Đại Sư coi trọng Nhất Hạnh Tam Muội. Trong Tịnh Độ Tông có Niệm Phật Tam Muội. Thật ra, Niệm Phật Tam Muội chính là Nhất Hạnh Tam Muội, còn gọi là Nhất Tướng Tam Muội. Trong Kinh Lăng Nghiêm, Đại Thế Chí Bồ Tát khai thị một tiêu chuẩn: “Nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm liên tục”, đây là Nhất Hạnh Tam Muội, còn Kinh này (Kinh A Di Đà) gọi là “nhất tâm bất loạn”. Nhất tâm bất loạn là Nhất Hạnh Tam Muội, mà cũng là Niệm Phật Tam Muội. Nhất tâm bất loạn có công phu sâu hay cạn sai khác. Niệm đến mức đoạn hết Kiến Tư phiền não thì gọi là Sự nhất tâm bất loạn. Niệm đến mức phá một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Thân thì gọi là Lý nhất tâm bất loạn. Cảnh giới được nói tới trong đoạn này chính là vừa mới đạt đến Lý nhất tâm bất loạn, thì gọi là “quảng đại vi diệu hạnh tâm”, đặc Tương Tự Vô Sanh Pháp Nhẫn. Thật sự đặc Vô Sanh Pháp Nhẫn thì như trong Kinh Nhân Vương đã giảng rất rõ ràng, đây là Thất Địa Bồ Tát. Trước khi đạt đến địa vị Thất Địa Bồ Tát đều gọi là Tương Tự Vô Sanh Pháp Nhẫn. Thất

Địa là Hạ Phẩm, Bát Địa là Trung Phẩm, Cửu Địa là Thượng Phẩm Vô Sanh Pháp Nhân.

Lại lên tới Thập Địa thì gọi là Hạ Phẩm Tịch Diệt Nhân, Đẳng Giác Bồ Tát là Trung Phẩm Tịch Diệt Nhân, Như Lai quả địa gọi là Thượng Phẩm Tịch Diệt Nhân. Nếu cũng hiểu Pháp Môn Niệm Phật theo cùng một lý này, thì đây là nghĩa hạn cuộc.

Đối với nghĩa phổ cập thì do Chư Phật từ bi chẳng thể nghĩ bàn, công đức của danh hiệu cũng chẳng thể nghĩ bàn, dùng một câu A Di Đà Phật có thể khiến cho phàm phu nghiệp chướng cực nặng thành Phật viên mãn ngay trong một đời. Vừa nghe danh hiệu Phật, bất luận hữu tâm hay vô tâm, dù tin hay chẳng tin, chủng tử thành Phật đã được gieo vào thức điền. Tâm Phật thanh tịnh, bình đẳng, không phân biệt, chấp trước, quan tâm trọn khắp chúng sanh, chỉ luận định duyên đã chín muồi hay chưa, chẳng cần biết là kẻ oán hay người thân. Người tạo tội cực ác như vua A Xà Thế, tạo Ngũ Nghịch, Thập Ác, lúc lâm chung sám hối, nhất tâm niệm Phật cũng được Vãng Sanh. Trong Kinh, Đức Phật tuyên nói: Vua A Xà Thế sanh về Tây Phương, phẩm vị là Thượng Phẩm Trung Sanh, thật chẳng thể nghĩ bàn! Có hai loại Vãng Sanh:

- Một là lúc bình thường đoạn ác tu thiện, chuyên tâm niệm Phật.

- Hai là kẻ nghiệp nặng, lúc lâm chung chân tâm sám hối, cũng được Vãng Sanh.

Bất luận là ai dù chỉ trì danh chú chẳng tụng Kinh cũng đều được Phật hộ niệm, không cần phải hoài nghi!

Theo như cách Phật đã giảng trong các Kinh Đại Thừa thì thông thường phải là bậc Sơ Địa của Biệt Giáo trở lên hoặc là từ Sơ Trụ trong Viên Giáo trở lên, những vị ấy đều là bậc Pháp Thân Đại Sĩ thì mới được Phật hộ niệm. Vì họ đã phá một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Thân, tâm thanh tịnh, bình đẳng, hết thảy chướng ngại đều không có, từ đây trở đi, tâm tâm lưu nhập biển Tát Bà Nhã (Nhất Thiết Trí). Nhưng trong tông này (Tịnh Độ Tông) thì lại khác, nhờ được bốn nguyện và oai thần của A Di Đà Phật gia trì, mười phương Chư Phật cũng gia trì. Nếu chẳng tu Pháp Môn này sẽ không được A Di Đà Phật gia trì, những vị Phật khác cũng chẳng quan tâm tới. Sau khi đọc cuốn Yếu Giải, mới thấy một câu Phật hiệu chẳng thể không niệm. Hễ niệm Phật, dù chưa đạt tới địa vị Tương Tự, vẫn nhất định được Chư Phật hộ niệm. Một câu A Di Đà Phật này là chúng tử thành Phật, trong một đời được nghe một câu A Di Đà Phật, nhưng đời này chưa thể Vãng Sanh thì đời sau hay đời sau nữa, hoặc đời khác nữa, được mang thân người, lại gặp Pháp Môn này, chúng tử trong A Lại Da

Thức sẽ dậy lên hiện hành, có thể tin, có thể nguyện, có thể hành, người ấy cũng sẽ nhất định Vãng Sanh.

“A Nậu Đa La, cõi này dịch là Vô Thượng, Tam Miếu Tam Bồ Đề, cõi này dịch là Chánh Đẳng Chánh Giác”, nói theo cách bây giờ là “trí huệ viên mãn rất ráo”. Chúng trọn vẹn ba thứ Bất Thoái, chính là tên gọi khác “thành Phật ngay trong một đời”. Kinh này do Đức Thế Tôn và mười phương Chư Phật buốt lòng rất miệng khuyên chúng ta hãy đều nên tin nhận, há chúng ta chẳng tin tưởng ư?

4.3.1.2. Khuyên nguyện lưu thông

(Kinh) Xá Lợi Phất! Nhược hữu nhân dĩ phát nguyện, kim phát nguyện, đương phát nguyện, dục sanh A Di Đà Phật quốc giả, thị chư nhân đẳng, giai đắc bất thoái chuyển ư A Nậu Đa La Tam Miếu Tam Bồ Đề. Ư bỉ quốc độ, nhược dĩ sanh, nhược kim sanh, nhược đương sanh. Thị cố Xá Lợi Phất! Chư thiện nam tử, thiện nữ nhân, nhược hữu tín giả, ưng đương phát nguyện, sanh bỉ quốc độ.

(Giải) Dĩ nguyện dĩ sanh, kim nguyện kim sanh, đương nguyện đương sanh, chánh hiển y tín sở phát chi nguyện vô hư dã. Phi tín, bất năng phát nguyện. Phi nguyện, tín diệt bất sanh. Cố vân: “Nhược hữu tín giả, ưng đương phát nguyện”. Hựu,

nguyện giả, tín chi khoán, hạnh chi xu, vưu vi yếu vụ. Cử nguyện, tắc tín hạnh tại kỳ trung. Sở dĩ ân cần tam khuyến dã. Phục thứ, nguyện sanh bỉ quốc, tắc hân yếm nhị môn, yếm ly Sa Bà, dữ y Khổ Tập nhị đế, sở phát nhị chủng hoàng thệ tương ứng. Hân câu Cực Lạc, dữ y Đạo Diệt nhị đế, sở phát nhị chủng hoàng thệ tương ứng. Cố đắc bất thoái chuyển u đại Bồ Đề đạo.

(Chánh Kinh: Nay Xá Lợi Phát! Nếu có người đã phát nguyện, đang phát nguyện, sẽ phát nguyện, muốn sanh về cõi Phật A Di Đà thì những người ấy đều đắc bất thoái chuyển nơi Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Đối với cõi ấy hoặc đã sanh, hoặc đang sanh, hoặc sẽ sanh. Vì thế Xá Lợi Phát! Các thiện nam tử, thiện nữ nhân nếu có lòng tin, hãy nên phát nguyện sanh về cõi ấy.

Giải: Đã nguyện đã sanh, nay nguyện nay sanh, sẽ nguyện sẽ sanh, nhằm tỏ rõ do tin tưởng mà phát ra lời nguyện thì lời nguyện ấy chẳng hư huyễn. Không tin sẽ chẳng thể phát nguyện. Không có nguyện, lòng tin cũng chẳng thể sanh. Vì thế nói: “Nếu có lòng tin, hãy nên phát nguyện”. Hơn nữa, nguyện là bằng khoán của lòng tin, là máu chốt của hạnh, có vai trò quan trọng nhất. Nêu ra nguyện thì tín và hạnh đều nằm trong ấy. Do vậy, Phật ân cần ba lượt khuyến nhủ. Lại nữa, nguyện sanh về cõi ấy chính là hai môn

Ưa Thích và Chán Lìa. Chán lìa Sa Bà, tương ứng với hai thứ hoẵng thệ do nương theo Khổ Đế và Tập Đế mà phát ra. Ưa cầu Cực Lạc, tương ứng với hai thứ hoẵng thệ do nương theo Đạo Đế và Diệt Đế mà phát ra. Vì thế, đạt được chẳng thoái chuyển nơi đại Bồ Đề đạo).

Đoạn này thuộc phần “khuyến nguyện lưu thông”. Đại Sư nói, người đã phát nguyện đã Vãng Sanh, người hiện đang phát nguyện thì trong một đời này nhất định Vãng Sanh, phát nguyện trong tương lai thì tương lai nhất định Vãng Sanh. Từ ngữ “đương phát nguyện giả” chỉ cho chúng ta trong hiện tại, cũng giống như người trong quá khứ, nhằm chỉ rõ lời phát nguyện xuất phát từ lòng tin không hư dối, tin tưởng sâu xa, không hoài nghi tí nào. Không có lòng tin sẽ chẳng thể phát nguyện. Thông thường có chân tín, chánh tín và mê tín. Có không ít Pháp Sư Đại Đức khuyến người khác niệm Phật, nhưng chính họ không niệm, họ nghĩ còn có những Pháp Môn khác cao hơn. Đấy gọi là “chánh tín”.

“Nguyện giả, tín chi khoán” (Nguyện là bằng khoán của tín). “Khoán” là bằng chứng, Tín cũng là máu chốt của Hạnh. Trong ba món tư lương, Tín đặc biệt quan trọng. Nếu ai thật sự chịu phát nguyện Vãng Sanh, người ấy tất nhiên có lòng tin rất sâu, ắt sẽ chịu thật thà niệm Phật, điều này thuộc về Hạnh. Khuyến nên tin

tướng, khuyên nên hành trì, mỗi phần Đức Phật chỉ khuyên một lần, nhưng lại khuyên “hãy phát nguyện” đến ba lần. Đủ thấy, Đức Phật hết sức coi trọng nguyện. Lần thứ nhất là trong đoạn thứ hai của phần Chánh Tông, Phật nói xong sự trang nghiêm nơi y báo và chánh báo, chúng sanh Vãng Sanh về đó đều đắc Bất Thoái, Đức Phật khuyên “chúng sanh văn giả, ưng đương phát nguyện, nguyện sanh bỉ quốc” (chúng sanh nghe nói, đều nên phát nguyện, nguyện sanh về cõi ấy). Lần thứ hai là trong đoạn cuối của phần Chánh Tông: “Thị nhân chung thời, tâm bất điên đảo, tức đắc Vãng Sanh A Di Đà Phật Cực Lạc quốc độ, ngã kiến thị lợi, cố thuyết thử ngôn. Nhược hữu chúng sanh văn thị thuyết giả, ưng đương phát nguyện, sanh bỉ quốc độ” (Người ấy lúc lâm chung, tâm chẳng điên đảo, liền được sanh về cõi nước Cực Lạc của A Di Đà Phật. Ta thấy điều lợi này, nên nói lời như sau: Nếu có chúng sanh nghe nói như vậy, hãy nên phát nguyện, nguyện sanh về cõi ấy). Còn trong đoạn này là lần khuyên thứ ba, lại nói: “Nhược hữu tín giả, ưng đương phát nguyện, sanh bỉ quốc độ” (Nếu ai có lòng tin, hãy nên phát nguyện sanh về cõi ấy). Chẳng ngại phiền rộn, chẳng sợ trùng lặp, Đức Bổn Sư lòng từ bi khẩn thiết, thật sự mong chúng ta ngay trong một đời sẽ vĩnh viễn thoát khỏi luân hồi viên thành Phật đạo, thỏa mãn hoàng nguyện độ sanh. Tâm cảm ơn đội đức đối với Đức Thế Tôn nầy sanh tràn trề.

Đại Sư lại dựa trên Tứ Hoàng Thệ Nguyên để giải thích, nguyên sanh cõi ấy chính là viên mãn Tứ Hoàng Thệ Nguyên. Nguyên Vãng Sanh nhất định là khỏi Sa Bà. “Chúng sanh vô biên thệ nguyên độ, phiền não vô tận thệ nguyên đoạn” thuộc về Khổ Đế và Tập Đế. “Pháp Môn vô lượng thệ nguyên học, Phật đạo vô thượng thệ nguyên thành” thuộc về Diệt Đế và Đạo Đế. Tứ Hoàng Thệ Nguyên hễ phát tâm thì đại Bồ Đề tâm liền viên mãn. Đại Sư nói lời này khiến chúng ta giật nảy mình, vì từ trước đến giờ chưa có ai nói cả! Ở đây, Ngài đã nêu ra căn cứ, Tứ Hoàng Thệ Nguyên chính là vô thượng Bồ Đề tâm.

(Giải) Vấn: Kim phát nguyện, dẫn khả vân đương sanh, hà danh kim sanh?

Đáp: Thử diệt nhị nghĩa. Nhất ước nhất kỳ danh “kim”, hiện sanh phát nguyện trì danh, lâm chung định sanh Tịnh Độ. Nhị ước sát na danh “kim”, nhất niệm tương ứng, nhất niệm sanh. Niệm niệm tương ứng, niệm niệm sanh. Diệt nhân, diệt quả, bất ly nhất tâm. Như xứng lưỡng đầu, đê ngang thời đẳng, hà sĩ Sa Bà báo tận, phương dục trần trì? Chỉ kim tín nguyện trì danh, liên ngạc quang vinh, kim đài ảnh hiện, tiện phi Sa Bà giới nội nhân hỷ. Cực viên, cực đốn, nan nghị, nan tư. Duy hữu đại trí, phương năng để tín.

(Giải: Hỏi: Nay phát nguyện thì chỉ có thể nói là “sẽ sanh”, sao lại bảo là “nay sanh?”

Đáp: Điều này cũng có hai nghĩa:

- Một là dựa trên cùng một kỳ hạn mà bảo là “nay”. Đời này phát nguyện trì danh thì lâm chung nhất định sanh về Tịnh Độ.

- Hai là dựa theo sát na mà gọi là “nay”. Một niệm tương ứng thì sanh vào cõi kia trong một niệm ấy, niệm niệm tương ứng thì trong từng niệm đều sanh.

Diệu nhân, diệu quả, chẳng lìa nhất tâm. Như hai đầu cái cân, hễ đầu này chúc xuống thì đầu kia nâng lên cùng một lúc, cần gì phải đợi đến khi hết báo thân nơi Sa Bà mới sanh trong ao báu. Chỉ cần nay tín nguyện trì danh thì nơi Cực Lạc hoa sen rạng ngời, đài vàng hiện bóng, tức là đã không còn là người trong cõi Sa Bà nữa! Cực viên, cực đốn, khó nghĩ, khó suy, chỉ có bậc đại trí mới có thể tin tưởng chắc thật mà thôi!)

Có người hỏi: “Nay phát nguyện thì chỉ có thể nói là sẽ sanh, vì sao lại nói là nay sanh?” Chữ “kim” (nay) chỉ lúc Đức Thế Tôn đang thuyết pháp. “Đương phát nguyện” là nói về những kẻ sau lúc ấy, như chúng ta ở trong thời đại hiện thời thuộc vào những người “sẽ phát nguyện”. Một đời tu học Pháp Môn này, lâm chung quyết định sanh về Tịnh Độ. vì thế nói là “kim sanh” (đời này). Nghĩa

thứ hai là nói trong khoảng sát na. Hễ tương ứng trong một niệm thì sanh về Tịnh Độ ngay trong niệm ấy. Người phát nguyện ắt phải trọn đủ ba món tư lương, Tín phải là chân tín, Nguyện phải khẩn thiết, thấy thấu suốt hết thảy mọi thứ trong thế gian, trong tâm triệt để buông xuống, chứ không phải chỉ buông xuống trên mặt Sự. Nếu chỉ trên mặt Sự thì chẳng đáng để bàn tới. Trong tâm phải nên không vướng mắc, giống như Thiện Tài tham học năm mươi ba lần, nhưng luôn là người tâm địa thanh tịnh, chẳng vướng mắc mảy may. Biểu hiện trên mặt Sự, các ngành, các nghề, nam, nữ, già, trẻ đều không trở ngại. Trong một niệm phải có đủ Tín, Nguyện, Hạnh cũng như tương ứng với Giới, Định, Huệ, và Giác, Chánh, Tịnh. Một niệm như thế, than tuy chưa sanh sang đó, mà trong ao bảy báu nơi Tây Phương Cực Lạc Thế Giới đã trở một đóa hoa sen có ghi rõ tên hành giả. Đây là do chính mình cảm ứng biến hiện ra, chứ không phải do Phật biến hiện. Niệm nào cũng tương ứng thì hoa sen báu càng ngày càng lớn, ánh sáng, màu sắc ngày càng tươi đẹp. Diệu nhân, diệu quả, chẳng lìa nhất tâm. Lâm chung liền thác sanh trong hoa sen. Nhân quả đồng thời chẳng thể nghĩ bàn. Các Pháp Môn khác là “nhân trước, quả sau”, còn hoa sen là nhân quả đồng thời, cần gì phải đợi tới khi cái thân nghiệp báo hết tuổi thọ rồi mới có thể sanh trên đài vàng trong ao sen bảy báu. Chỉ

cần hiện tại tín nguyện trì danh, hoa sen trong cõi Tây Phương liên rạng rỡ xinh tươi, chẳng còn là người trong Thế Giới Sa Bà nữa!

Trong tác phẩm của Pháp Sư Viên Anh có nhắc tới hai người:

1) Một là Pháp Sư Khả Cứu đời Tống. Sư thường niệm Kinh Pháp Hoa cầu sanh Tịnh Độ. Trong chương Tam Bối Vãng Sanh của Kinh Vô Lượng Thọ, đoạn thứ tư có nói: Hễ ai tu học hết thầy pháp Đại Thừa, hồi hướng cầu sanh Tịnh Độ thì A Di Đà Phật cũng đến tiếp dẫn giống hệt như người chuyên tu Tịnh Độ. Đủ thấy Pháp Môn này bao dung hết sức rộng lớn. Pháp Sư Khả Cứu ngồi Vãng Sanh, mất đã ba ngày, sống lại, bảo các đồng tu: “Tôi đã đến Tây Phương Cực Lạc Thế Giới, trông thấy tình hình hoàn toàn giống như Kinh đã dạy”. Ngài lại nói những ai tu Tịnh Độ trong cõi đời, hoa sen trong ao bảy báu ở Tây Phương đều có ghi tên. Người Thượng Phẩm Vãng Sanh là lão Hòa Thượng của Quảng Giáo Viện tại Thần Châu. Khi ấy, lão Hòa Thượng còn chưa Vãng Sanh. Ngoài ra, còn có Tôn Thập Nhị Lang ở Minh Châu và chính sư Khả Cứu đều là đài vàng. Kém hơn là đài bạc, người chứng được đài bạc là Từ đạo cô. Pháp Sư Khả Cứu thuật tình hình đã thấy cho mọi người nghe rồi lại Vãng Sanh. Sau này, Tôn Thập Nhị Lang lâm chung, nhạc Trời vang rền hư không. khi Từ đạo cô lâm chung, có mùi hương lạ ngập thát không tan.

2) Người kia là Pháp Sư Hoài Ngọc, khi lâm chung, thấy A Di Đà Phật cầm đài bạc đến đón, Sư nghĩ ta bình sinh công phu rất đặc lực, có sao chỉ được đài bạc, tợ hồ chẳng cam lòng. Ý niệm vừa khởi, chẳng thấy A Di Đà Phật nữa. Sư lại dốc hết tánh mạng niệm Phật bảy ngày bảy đêm không ngớt, A Di Đà Phật lại hiện, cầm đài vàng tiếp dẫn.

Trong thế gian, người tu Pháp Môn Tịnh Độ chân tâm niệm Phật cầu Vãng Sanh, hoa sen của người ấy bèn sáng ngời, rực rỡ chói mắt. Nếu giải đãi, biếng nhác, hoa liền khô héo. Đổi dạ chuyển sang tu Pháp Môn khác, hoa liền chết khô. Hết thấy sự vật trong Tây Phương đều chẳng sanh diệt, chỉ có hoa sen trong ao bảy báu là có sanh, có diệt. Sự tươi, khô, sanh, diệt ấy do hành nhân cảm thành, chứ không liên quan gì tới A Di Đà Phật.

Khi niệm Phật, tâm tánh năng niệm chẳng thể nghĩ bàn, nhưng phải dùng chân tâm, đừng dùng vọng tâm. Niệm Phật bằng chân tâm thì xử thế đãi người tiếp vật cũng phải dùng chân tâm. Niệm niệm cầu sanh về Tịnh Độ, khi còn sống trên đời thì hết thấy thuận theo tự nhiên, chớ nên cưỡng cầu. Một câu Phật hiệu đầy đủ viên mãn Tam Học, Tam Huệ, và ba món tư lương, mà cũng đầy đủ viên mãn vô lượng hạnh môn, nhất tâm chấp trì sẽ có thể viên siêu, viên đốn. Những bộ Kinh lớn trong Viên Giáo như Hoa

Nghiêm, Pháp Hoa vẫn chưa thể nói là “cực” (tốt bậc). cực viên cực đôn chỉ có một Pháp Môn này. Thiên là Đôn, nhưng đem so với Kinh này, chẳng thể thành tựu trong bảy ngày. Mật Tông nói “tức thân thành Phật” (thành Phật ngay trong thân này), nhưng Ấn Quang Đại Sư nói rất hay: “Tức thân thành Phật trong Mật Tông chẳng qua chỉ là liễu sanh tử, thoát tam giới mà thôi!” Loại công phu ấy thì A La Hán, Bích Chi Phật mới có đủ tư cách, “tức thân thành Phật” của Mật Tông chỉ là quả vị Phật trong Tạng Giáo, chẳng thể bằng quả vị Phật trong Biệt Giáo và Viên Giáo. Hết thầy tông, giáo, Pháp Môn bày ra trước mặt quý vị, quý vị chẳng chao đảo, tín tâm mới có thể kiên cố. Thông minh thế gian là Thế Trí Biện Thông, trí huệ thật sự là đối với hết thầy Pháp Môn chẳng nghi hoặc một tí ti nào. Cổ Nhân thường nói: “Duy thượng trí dữ hạ ngu bất di dã” (Chỉ có bậc thượng trí và kẻ hạ ngu mới chẳng thay đổi chí hướng), thật chẳng biết hạ ngu là thượng trí. Tín tâm chẳng đủ thì có thể vun bồi. Đối với Pháp Môn này mà có thể sanh lòng hoan hỷ, chứng tỏ người ấy trong đời quá khứ quả thật có duyên với Phật Pháp. Đọc nhiều Kinh Điển Đại Thừa có thể tăng mạnh tín tâm, đọc Tịnh Độ Thánh Hiền Lục, Vãng Sanh Truyện Ký nhiều lượt có thể thúc đẩy ý nguyện cầu Vãng Sanh.

4.3.1.3. Khuyến hạnh lưu thông

(Kinh) Xá Lợi Phất! Như ngã kim giả, xưng tán Chư Phật bất khả tư nghị công đức, bĩ Chư Phật đẳng diệc xưng tán ngã bất khả tư nghị công đức, nhi tác thị ngôn: “Thích Ca Mâu Ni Phật năng vi thậm nan hy hữu chi sự, năng ư Sa Bà quốc độ, ngũ trược ác thế, kiếp trược, kiến trược, phiền não trược, chúng sanh trược, mạng trược trung, đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, vị chư chúng sanh, thuyết thị nhất thiết thế gian nan tín chi pháp”.

(Chánh Kinh: Nay Xá Lợi Phất! Như ta nay khen ngợi Chư Phật có công đức chẳng thể nghĩ bàn, các vị Phật ấy cũng khen ngợi công đức chẳng thể nghĩ bàn của ta, mà nói như thế này: “Thích Ca Mâu Ni Phật làm được chuyện rất khó, là có thể ở trong đời ác năm thứ trược là kiếp trược, kiến trược, phiền não trược, chúng sanh trược, mạng trược, đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, vì các chúng sanh nói pháp mà hết thấy thế gian khó tin tưởng này).

Đoạn Kinh Văn này là “khuyến hạnh lưu thông”. Chữ “Chư Phật” trong câu trước chỉ A Di Đà Phật. “Bĩ Chư Phật đẳng” là A Di Đà Phật và mười phương vô lượng vô biên Chư Phật đều cùng tán thán Thích Ca Mâu Ni Phật ở trong đời ác ngũ trược, tức kiếp trược, kiến trược, phiền não trược, chúng sanh trược, mạng trược,

đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, vì các chúng sanh nói ra pháp mà hết thấy thế gian khó thể tin tưởng này. Khi Phật Thích Ca xuất thế, tuổi thọ trung bình của con người trong Thế Giới Sa Bà là một trăm tuổi, đang nhằm kiếp giảm, cứ mỗi một trăm năm lại giảm một tuổi. Do Đức Phật xuất thế cách đây đã ba ngàn năm nên tuổi thọ trung bình của con người hiện thời là bảy mươi tuổi, đang bước vào đời ác ngũ trược. Để có thể tu hành chứng quả thành Phật ngay trong thời này, phải dùng phương pháp nào để thành Phật? Ngẫu Ích Đại Sư bảo Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật do niệm A Di Đà Phật mà thành Phật. Câu này nằm ngay trong đoạn Kinh Văn này. Phật Thích Ca đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác tức là thành Phật, thị hiện thành Phật ngay trong một đời, rồi mới đem Pháp Môn thành Phật ngay trong một đời truyền cho chúng ta. Đây là “vì các chúng sanh, nói ra pháp mà hết thấy thế gian khó tin tưởng” này.

(Giải) Chư Phật công đức, trí huệ, tuy giai bình đẳng, nhi thi hóa tặc hữu nan dị. Tịnh Độ thành Bồ Đề dị, trược thế nan. Vị Tịnh Độ chúng sanh thuyết pháp dị, vị trược thế chúng sanh nan. Vị trược thế chúng sanh thuyết tiệm pháp do dị, thuyết đốn pháp nan. Vị trược thế chúng sanh thuyết dư đốn pháp do dị, thuyết Tịnh Độ hoành siêu đốn pháp vu nan. Vị trược thế

chúng sanh, thuyết Tịnh Độ hoành siêu đốn tu đốn chứng diệu quán, dĩ tự bất dị. Thuyết thử vô tỵ cù lao tu chứng, dẫn trì danh hiệu, kính đấng Bất Thoái, kỳ đặc thắng diệu, siêu xuất tư nghị, đệ nhất phương tiện, cánh vi nan trung chi nan. Cổ thập phương Chư Phật, vô bất thôi ngã Thích Ca, thiên vi dũng mãnh dã.

(Giải: Công đức và trí huệ của Chư Phật tuy đều bình đẳng, nhưng thực hiện sự giáo hóa thì có dễ hay khó. Trong Tịnh Độ thành Bồ Đề dễ dàng, trong đời trước thì khó. Vì chúng sanh trong Tịnh Độ thuyết pháp thì dễ, vì chúng sanh đời trước thuyết pháp khó khăn. Vì chúng sanh đời trước thuyết pháp Tiệm (tu tấn dần dần) còn dễ, nói pháp Đốn sẽ khó. Vì chúng sanh đời trước nói các pháp Đốn khác còn dễ, nói Đốn pháp Tịnh Độ vượt ngang tam giới rất khó. Vì chúng sanh đời trước nói diệu quán Tịnh Độ đốn tu đốn chứng vượt ngang tam giới đã chẳng dễ dàng, nói pháp chẳng cần đến tu chứng nhọc nhằn, chỉ trì danh hiệu, mau chóng vượt lên Bất Thoái, kỳ lạ, đặc biệt, thù thắng, nhiệm màu, vượt khỏi suy nghĩ, phương tiện bậc nhất này càng là điều khó nhất trong những điều khó. Vì thế, mười phương Chư Phật không một vị nào chẳng suy tôn đức Thích Ca của chúng ta là bậc đặc biệt dũng mãnh).

Mười phương tam thế hết thảy Chư Phật Như Lai có cùng một tâm nguyện phổ độ chúng sanh viên thành Phật đạo. Công

đức, trí huệ, năng lực của Chư Phật đều bình đẳng, nhưng để thực hiện sự giáo hóa lại có dễ, khó khác biệt. Khó hay dễ là dựa trên đối tượng được giáo hóa mà nói, kẻ căn tánh lạnh lợi sẽ dễ giáo hóa, chứ căn tánh đã chậm lụt mà nghiệp chướng lại nặng nề thì khó lắm. Đối với kẻ chướng nặng, nếu chẳng lập nhiều phương tiện chỉ dạy, bọn họ chẳng có hy vọng gì thành Phật. A Di Đà Phật hóa hiện Tịnh Độ ở Tây Phương Thế Giới chính là vì những kẻ như vậy mà lập bày ra. Có những kẻ hiểu lầm tưởng Tây Phương Cực Lạc Thế Giới để chuyên độ những hạng vô tri vô thức, làm sao có thể sánh bằng các Pháp Môn Đại Thừa. Thật ra, họ đã thấy sai! Thật chẳng biết Phật Di Đà lập ra Pháp Môn này, vượt trội pháp Nhất Thừa trong Đại Thừa, pháp này chính là Pháp Môn trực tiếp để thành Phật, những kẻ căn tánh cực độn, tội nghiệp sâu nặng, hễ tiếp nhận sẽ lập tức thành Phật. Vì sao kẻ ấy có thể tin, có thể nguyện, có thể hành? Đọc Kinh Vô Lượng Thọ sẽ biết ngay, vốn là vì thiện căn, phước đức đã tích lũy trong nhiều đời nhiều kiếp của những người ấy đã chín muồi, hoàn toàn chẳng phải là ngẫu nhiên!

Tiếp đó, luận về sự khó dễ nơi hoàn cảnh. Tây Phương Thế Giới thành Phật dễ dàng, Sa Bà khó khăn. Mỗi một người sanh về Tây Phương đều được bốn nguyện của A Di Đà Phật gia trì, Phật

quang phổ chiếu, trí huệ tăng trưởng, nghe pháp dễ khai ngộ. Cổ Đức nói, hoàn cảnh giữa hai Thế Giới có nhiều điểm khác nhau:

1) Ở Tịnh Độ thường xuyên thấy Phật. Kẻ đời nghiệp Vãng Sanh, dầu là Hạ Hạ Phẩm Vãng Sanh ở trong hoa sen mười hai kiếp hoa sen mới nở, thấy Phật, ngộ Vô Sanh, nhưng ở trong hoa sen cũng có thể thấy Ứng Hóa Thân của A Di Đà Phật và Chư Phật, cũng như thấy Văn Thù, Phổ Hiền v.v... các vị thượng thiện nhân. “Hoa nở thấy Phật” là thấy được Báo Thân Phật, khi hoa chưa nở thì thấy Ứng Hóa Thân, khi hoa nở thì người ấy cũng đồng thời có năng lực đến Mười Phương Thế Giới hóa độ chúng sanh hữu duyên.

2) Thường nghe pháp. Ba Kinh Tịnh Độ đều nói trong Tây Phương Thế Giới, sáu trần đều thuyết pháp, nên chúng sanh trong Cực Lạc chẳng bị mê hoặc mà cũng chẳng thể thoái chuyển. Trong Thế Giới Sa Bà nghe pháp rất khó.

3) Ở Tịnh Độ, các vị thượng thiện nhân tụ hội một chỗ, những thứ được tiếp xúc đều giúp cho hành nhân đạt thành tựu, không bị chướng ngại. còn Thế Giới Sa Bà chướng ngại trùng trùng.

4) Tịnh Độ không có ma sự, cõi này các loài ma nhiều loạn.

5) Người sanh vào Tịnh Độ đều thọ vô lượng, Sa Bà đoản mạng.

6) Tịnh Độ chúng trọn vẹn ba thứ Bất Thoái, Sa Bà tiến ít, lùi nhiều. Hễ sanh sang đời khác, phải học lại từ đầu.

7) Tịnh Độ quyết định một đời thành Phật, Sa Bà thành Phật phải mất ba đại A tăng kỳ kiếp.

Cuối cùng Đại Sư lại nói: “Vì chúng sanh đời trước nói các pháp Đốn khác còn dễ, nói pháp Tịnh Độ là pháp Đốn vượt khỏi tam giới theo chiều ngang rất khó”. Thế nào là các pháp Đốn khác? Thiên là pháp Đốn khác, người học Thiên đông đảo. Vì chúng sanh trong đời trước nói pháp Thật Tướng Niệm Phật và Quán Tưởng Niệm Phật đã chẳng dễ dàng, may ra còn có người chịu tiếp nhận, chứ nói Pháp Môn bậc nhất “không cần phải tu chứng nhọc nhằn, chỉ trì danh hiệu, nhanh chóng vượt lên Bất Thoái” càng là sự khó nhất trong các sự khó. Vì đây là cảnh giới của Chư Phật, người thường ai có thể hiểu được? Tôi thường khen ngợi chư vị đồng tu, nhân duyên thiện căn, phước đức của quý vị tốt đẹp hơn tôi. Quý vị vừa học Phật liền tin tưởng Pháp Môn này. Tôi học Phật cả bốn mươi năm mới tin tưởng. Tôi xuất gia lúc mới hai mươi sáu tuổi, gặp lão Cư Sĩ Châu Kính Trụ đã ngoài bảy mươi, cụ đối với tôi rất tốt, thường thường chăm sóc tôi. Về sau, cụ giới thiệu tôi đến Đài Trung thân cận thầy Lý học Phật. Thầy Lý là đệ tử của Ấn Quang Đại Sư, chuyên tu Tịnh Độ. Tôi đến Đài Trung nhằm mục đích học

giảng Kinh, cụ Lý khuyên tôi tu Tịnh Độ, tôi chẳng thể tiếp nhận, thậm chí còn ép thầy đến nỗi cụ phải thốt ra một câu: “Từ xưa đến nay bao nhiêu Cao Tăng Đại Đức và những vị tại gia Cư Sĩ có học thức, tu tập vững vàng đều học Tịnh Độ, cứ coi như là họ bị lừa đi. Chúng ta bị lừa một lần cũng không sao!” Năm Dân Quốc sáu mươi (1971), tôi giảng Kinh Hoa Nghiêm ở Đài Bắc, chẳng thể không thâm nhập nghiên cứu, giảng suốt mười bảy năm, đến cuối cùng, thấy các vị Văn Thù và Phổ Hiền là những vị Phật sẽ Bồ Xứ trong Thế Giới Hoa Tạng, các Ngài đều cầu sanh Tây Phương Cực Lạc Thế Giới, chúng tôi Tây Phương có chỗ đáng chú ý, ban cho tôi một nhân duyên phản tỉnh to lớn. Từ đấy, tôi lại chú ý thật kỹ càng: Thiện Tài đồng tử tu Pháp Môn Niệm Phật, Thiện Tài là học trò đặc ý của Ngài Văn Thù. Ngài Văn Thù phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ, truyền pháp cho Thiện Tài ắt cũng là Pháp Môn Niệm Phật. Về sau, Thiện Tài đi tham học, vị thầy thứ nhất (tỳ-kheo Cát Tường Vân) dạy Ngài Pháp Môn Niệm Phật, đến vị cuối cùng là Phổ Hiền Bồ Tát, mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc, khiến cho Thiện Tài thành Phật viên mãn ngay trong một đời. Do vậy, tôi mới quay đầu, mới lại thâm nhập nghiên cứu ba Kinh Tịnh Độ. Nếu chẳng do Kinh Hoa Nghiêm, tôi không có cách gì thâm nhập Tịnh Độ. Về sau, lại đọc những lời luận định của các bậc Đại Đức thời Tùy Đường: “Hoa Nghiêm, Pháp Hoa chẳng qua nhằm dẫn

đường cho Kinh Vô Lượng Thọ mà thôi!” Tôi đọc câu bình luận này, cảm nhận đặc biệt sâu đậm hơn những người khác. Đúng là khó nhất trong những sự khó! Học Giáo mà có thể quy hướng Tịnh Độ thì số lượng những vị như vậy qua các đời truyền thừa chẳng nhiều. Do vậy, mười phương Chư Phật không vị nào chẳng suy tôn Phật Thích Ca là đấng dũng mãnh.

(Giải) Kiếp Trước giả, trước pháp tụ hội chi thời. Kiếp Trước trung, phi đời nghiệp hoành xuất chi hạnh, tất bất năng độ.

(Giải: Kiếp Trước là lúc các pháp như bản tụ hội. Trong thuở Kiếp Trước, nếu chẳng có hạnh “mang theo nghiệp vượt thoát theo chiều ngang”, ắt chẳng thể độ được)

Đối với từ ngữ Ngũ Trước, trong đoạn Huyền Nghĩa trong phần trước đã trình bày đại lược, ở đây, tôi lại y theo lời giải thích của Đại Sư để giảng rõ.

Thứ nhất là Kiếp Trước. Chữ Kiếp (劫) chỉ thời đại. Trước (濁) là ô nhiễm. Chúng ta cảm nhận sâu xa sự ô nhiễm trong môi trường sinh thái và địa cầu. Các nhà khoa học đã đưa ra lời cảnh cáo: Nếu chẳng cải thiện tình hình ô nhiễm, thì năm mươi năm sau, Thế Giới này sẽ chẳng thích hợp cho nhân loại sinh sống. Hiện thời mọi người đều nghiên cứu vấn đề bảo vệ môi trường, nhưng hiệu quả chẳng lớn lắm. Đức Phật nói: “Y báo chuyển theo chánh

báo”. Y báo là hoàn cảnh sống, hoàn cảnh bị ô nhiễm bởi chánh báo. Chánh báo là lòng người, tâm tịnh ắt cõi nước tịnh. Trong xã hội hiện thời, lòng người ô nhiễm, tư tưởng ô nhiễm, kiến giải ô nhiễm, tinh thần ô nhiễm. nếu chẳng dốc sức thanh tịnh hóa lòng người, sợ rằng chẳng thay đổi được gì. Ấn Quang Đại Sư đến tuổi xế chiều từng có lần chủ trì pháp hội Hộ Quốc Tức Tai tại Thượng Hải suốt bảy ngày. Ngày cuối cùng, Ngài truyền trao Tam Quy, Ngũ Giới, lúc ấy có đệ tử ghi chép những lời Ngài diễn giảng thành một cuốn sách nhỏ. Ngài đề xướng “kiêng giết, ăn chay, niệm Phật, chẳng những có thể tiêu trừ tai nạn, mà còn có thể bảo vệ đất nước”. Nếu bây giờ chúng tôi đề xướng thuyết ấy, ai sẽ tin tưởng? Nhưng ba điều ấy quả thật hữu hiệu, niệm Phật tịnh hóa lòng người, kiêng giết, ăn chay sẽ giảm nhẹ sự tàn bạo, dữ dằn, hiệu quả trông thấy lập tức. Đáng tiếc là mọi người chẳng tin tưởng, coi đó là mê tín. Đây là cộng nghiệp khó lòng cứu vãn!

(Giải) Kiến Trược giả, Ngũ Lợi Sử tà kiến tăng thịnh, vị Thân Kiến, Biên Kiến, Kiến Thủ, Giới Thủ, cập chư tà kiến. Hôn muội cốt một, cố danh vi Trược. Kiến Trược trung, phi bất giả phương tiện chi hạnh, tất bất năng độ.

(Giải: Kiến Trược là năm thứ Lợi Sử tà kiến tăng trưởng mạnh mẽ, tức là Thân Kiến, Biên Kiến, Kiến Thủ Kiến, Giới Thủ

Kiến, và các tà kiến. Tội tằm, chìm đắm, nên gọi là Trược. Trong thời Kiến Trược, nếu chẳng cậy vào hạnh phương tiện, ắt chẳng thể độ được).

Thứ hai, “Kiến Trược là năm thứ Lợi Sử tà kiến tăng trưởng mạnh mẽ”. Ngũ Lợi Sử: Sử (使) có nghĩa là nha dịch, giống như cảnh sát hình sự hiện thời. Lợi (利) là lợi hại. Ngũ Lợi Sử chính là Kiến Hoặc. Kiến Hoặc chia thành năm thứ, tức Thân Kiến, Biên Kiến, Kiến Thủ Kiến, Giới Cấm Thủ Kiến và Tà Kiến. Trong phần trước tôi đã giảng cặn kẽ, ở đây không nói nhiều. Những kiến giải sai lầm này che lấp trí huệ trong chân tâm, nên gọi là Trược. Nếu chẳng nhờ vào phương tiện bậc nhất, ắt chẳng thể độ được.

(Giải) Phiền Nã Trược giả, Ngũ Độn Sử phiền hoặc tăng thịnh, vị tham, sân, si, mạn, nghi, phiền động não loạn, cố danh vi Trược. Phiền Nã Trược trung, phi tức phàm tâm thị Phật tâm chi hạnh, tất bất năng độ.

(Giải: Phiền Nã Trược là năm thứ Độn Sử phiền não mê hoặc tăng trưởng mạnh mẽ, tức là tham, sân, si, mạn, nghi gây phiền não, rối loạn, nên gọi là Trược. Trong thuở Phiền Nã Trược, nếu không dùng hạnh “tâm phàm chính là tâm Phật”, ắt chẳng thể độ được).

Kiến Trược là kiến giải sai lầm, tức thấy sai lầm. Phiền Nã Trược là tư tưởng sai lầm, tức suy nghĩ lầm lạc. Ngũ Độn Sử cũng gồm năm loại lớn. Năm thứ Lợi Sử trong phần trước xảy đến mãnh liệt, còn năm thứ Độn Sử này tuy chẳng mãnh liệt nhưng rất khó đoạn. Cổ Đức thường ví von là “dầu lia ngó ý còn vương tơ lòng”. Dầu cho đắc Tứ Quả La Hán, Kiến Hoặc và Tư Hoặc đều đã đoạn, nhưng tập khí vẫn còn. Ngũ Độn Sử là tham, sân, si, mạn, nghi. Tham là tham ái. Sân là nóng giận. Si là ngu si, đối với chân, vọng, tà, chánh, đúng, sai, thiện, ác, lợi, hại, chẳng phân biệt rõ ràng, thường thấy biết điên đảo. Trong các phiền não, ngu si là nghiêm trọng nhất, vì không có Huệ sẽ chẳng đoạn được Si, chỉ dựa vào Định vẫn chưa được. Do vậy, A La Hán có Cửu Thứ Đệ Định. Mạn là ngạo mạn. Nghi là hoài nghi. Nghi đây không phải là ngờ vực thông thường, mà là hoài nghi Thánh Ngôn Lượng, đời này sẽ khó thoát tam giới. Trong thời đại hiện thời, Phiền Nã Trược nghiêm trọng hơn bất cứ thời kỳ nào trong quá khứ. Đại Sư nói nếu chẳng dùng phương pháp “cái tâm phàm chính là tâm Phật” sẽ chẳng thể thành tựu. Nói theo Lý, tâm phàm chính là tâm Phật, về mặt Sự, thì tâm phàm và tâm Phật khác hẳn nhau. Ngoài Pháp Môn Niệm Phật ra, Kinh Đại Thừa có nói tới Đồng Sanh Tánh và Dị Sanh Tánh. Hàng Bồ Tát từ Tam Hiền trở xuống và chúng sanh trong sáu đường đều là Dị Sanh Tánh, khó thể thành tựu. Phàm phu

trong lục đạo càng chẳng dễ gì vượt thoát tam giới. Con người luân hồi, cuộc sống trong đời này ngắn ngủi, tạm bợ, cuộc sống trong những đời sau sẽ làm như thế nào đây? Người mê hoặc, điên đảo, chỉ thấy chuyện trước mắt, thường chẳng nghĩ tới hậu quả. Trong Pháp Môn tu hành, chỉ có tâm niệm Phật là chân tâm bản tánh. Tâm tánh năng niệm chẳng thể nghĩ bàn, tâm ấy chính là Phật tâm, Đức Phật được niệm chẳng thể nghĩ bàn. Phật hiệu là tánh đức, lại còn là đức hiệu (danh hiệu của phẩm đức nơi tự tánh) của chân tâm bản tánh viên mãn. Câu “tức phàm tâm thị Phật tâm chi hạnh” chỉ Pháp Môn Niệm Phật Vãng Sanh. Trừ Pháp Môn này ra, ắt chẳng có Pháp Môn nào khác mà có thể độ được.

(Giải) Chúng Sanh Trược giả, kiến phiến não, sở cảm thô tệ Ngũ Âm hòa hợp, giả danh chúng sanh. Sắc, tâm tịnh giai lậu liệt, cố danh vi Trược. Chúng Sanh Trược trung, phi Hân Yếm chi hạnh, tất bất năng độ.

(Giải: Chúng Sanh Trược là do Kiến Hoặc, cảm vờ Ngũ Âm thô tệ hòa hợp, giả gọi là chúng sanh. Sắc lẫn tâm đều thô lậu, hèn kém, nên gọi là Trược. Trong thuở Chúng Sanh Trược, nếu không do hạnh Ưa Thích và Chán Lìa, ắt chẳng thể độ được).

“Do các duyên hòa hợp mà sanh” nên gọi là “chúng sanh”. Chúng sanh do Ngũ Âm, tức Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức kết hợp

thành. Sắc tượng trưng cho vật chất, Thọ, Tướng, Hành, Thức là tinh thần. Có cảm nhận, suy nghĩ liên tục sanh diệt trong từng sát na. Trong Duy Thức Học gọi Thức là A Lại Da Thức, nói thông tục là “linh hồn”, nhà Phật gọi là “thần thức”. Luân hồi trong sáu nẻo là do thần thức đầu thai. Khi chưa khai ngộ kiến tánh, thần thức là chủ tể, đó là Ngã. Sau khi kiến tánh, chân tâm bản tánh mới chính là con người thật của chính mình. Khi mê muội chưa thấu hiểu chân tâm bản tánh thì gọi là Thức, ngộ rồi thì gọi là Chân Như Bản Tánh. Thức và Chân Như Bản Tánh là một, chẳng qua là hai danh từ khác nhau mà thôi. Chân tánh là bản thể của hết thảy vạn pháp trong Vũ Trụ, ở nơi hữu tình chúng sanh thì gọi là Phật Tánh, còn nơi vô tình chúng sanh thì gọi là Pháp Tánh. Do kiến giải, tư tưởng sai lầm nên cảm vờ Sắc và Tâm đều chẳng thanh tịnh, nên gọi là Trược. Trong hoàn cảnh ô nhiễm này, ắt phải phát tâm lìa khỏi, ắt phải vui vẻ nguyện sanh về cõi Phật thanh tịnh nơi Thế Giới Tây Phương. Có hạnh Vui Cầu và Nhàm Lìa thì mới có hy vọng đắc độ.

(Giải) Mạng Trược giả, nhân quả tịnh liệt, thọ mạng đoản xúc, nãi chí bất mãn bách tuế, cố danh vi Trược. Mạng Trược Trung, phi bất phí thời kiếp, bất lao cần khổ chi hạnh, tất bất năng độ.

(Giải: Mạng Trược là nhân và quả đều kém cõi, tuổi thọ ngắn ngủi, thậm chí chẳng đầy trăm tuổi, nên gọi là Trược. Trong thưở Mạng Trược, mà chẳng dùng hạnh “chẳng tốn kiếp số, chẳng cần phải nhọc nhằn tu tập”, ắt chẳng thể độ được).

Mọi người thường nói tới khỏe mạnh, sống lâu, đây là chuyện chúng sanh mong cầu nhiều nhất. Nếu luận theo nhân thì điều thứ nhất là phải có tâm thanh tịnh và tâm đại từ bi. Nếu cái nhân không tốt, tâm chẳng thanh tịnh, chẳng từ bi, thân ắt sẽ đoản mạng, lắm bệnh. Phật nói người có đủ sáu căn, tức sáu căn không thiếu sót, chẳng sút sẹo, rất khó có. Bất cứ quả báo nào cũng đều có nguyên nhân. Nói theo mặt cương lãnh thì bố thí là nhân, phước báo là quả. Tài Bố Thí được giàu có, Pháp Bố Thí được thông minh, trí huệ, Vô Úy Bố Thí được mạnh khỏe, sống lâu. Chẳng tu nhân mà mong có quả báo tốt thì chính là huyễn tướng. Con người hiện thời thiếu khuyết tâm từ bi và tâm thanh tịnh. do vậy, Mạng Trược. Trong thời kỳ này, nhất định phải chọn một phương pháp tu hành chẳng tốn bao nhiêu thời gian, chẳng phải nhọc nhằn tu tập thì mới hòng đắc độ.

(Giải) Phục thứ, chỉ thử tín nguyện, trang nghiêm nhất thanh A Di Đà Phật, chuyển Kiếp Trược vi thanh tịnh hải hội, chuyển Kiến Trược vi vô lượng quang, chuyển Phiền Nã Trược

vi Thường Tịch Quang, chuyển Chúng Sanh Trược vi liên hoa hóa sanh, chuyển Mạng Trược vi vô lượng thọ. Cổ, nhất thanh A Di Đà Phật tức Thích Ca Bổn Sư u ngũ trược ác thế, sở đắc chi A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề pháp. Kim dĩ thử quả giác toàn thể, thọ dữ trược ác chúng sanh, nãi Chư Phật sở hành cảnh giới, duy Phật dữ Phật năng cứu tận, phi cứu giới tự lực sở năng tín giải dã. “Chư chúng sanh”, biệt chỉ ngũ trược ác nhân. “Nhất thiết thế gian”, thông chỉ tứ độ khí thế gian, cứu giới hữu tình thế gian dã.

(Giải: Lại nữa, chỉ dùng tín nguyện này để trang nghiêm, niệm một tiếng A Di Đà Phật, sẽ chuyển Kiếp Trược thành hải hội thanh tịnh, chuyển Kiến Trược thành vô lượng quang, chuyển Phiền Nã Trược thành Thường Tịch Quang, chuyển Chúng Sanh Trược thành hóa sanh trong hoa sen, chuyển Mạng Trược thành vô lượng thọ. Vì thế, một câu A Di Đà Phật chính là pháp mà Đức Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật đã dùng để đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác trong đời ác ngũ trược. Nay Ngài đem toàn thể sự giác ngộ nơi Phật quả truyền cho chúng sanh trong đời trược ác. Đây chính là cảnh giới thực hành của Chư Phật, chỉ có Phật với Phật mới hòng thấu suốt cùng tận, chứ chúng sanh trong chín pháp giới cậy vào tự lực sẽ chẳng thể tin hiểu được. Chữ “chư

chúng sanh” chỉ riêng những kẻ ác trong đời ngũ trược. Chữ “nhất thiết thế gian” chỉ chung Thế Giới vật chất trong bốn cõi và hữu tình chúng sanh trong chín pháp giới).

Có lòng tin chân thật, nguyện thiết tha thì một tiếng A Di Đà Phật sẽ chuyển Kiếp Trược thành hải hội thanh tịnh, chuyển biến ngay lập tức. Chuyển Kiến Trược thành vô lượng quang, chuyển biến kiến giải sai lầm thành sự quán sát trí huệ. Chuyển Phiền Nã Trược thành Thường Tịch Quang, chuyển hết thảy phiền não thành Đại Định. Chuyển Chúng Sanh Trược thành hóa sanh trong hoa sen, chuyển Mạng Trược thành vô lượng thọ. Cách chuyển như thế nào? Chỉ dựa vào tín nguyện trì danh, dễ dàng xiết bao! Khó ở chỗ người ta chẳng chịu tin tưởng. Hết thảy Chư Phật đều cảm thán pháp này là pháp khó tin, ai có thể tin tưởng thì chính là người thật sự có phước. Phạm phu hoàn toàn chẳng thể thấu hiểu nghĩa lý của pháp này, đây là đại phước báo viên mãn rốt ráo chẳng thể nghĩ bàn. Đại Sư lại dạy rõ: **Thích Ca Mâu Ni Phật do niệm A Di Đà Phật mà thành Phật, vì Đức Phật Thích Ca đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề trong đời ác ngũ trược. A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, mà cũng là “thành Phật”. Nếu Phật chẳng giảng Kinh Di Đà, chẳng dạy chúng ta Pháp Môn Niệm Phật, dù Phật có nói ngàn Kinh**

muôn luận thì cũng là phạm lỗi thiếu sót đối với chúng ta. Chúng ta là phàm phu nghiệp chướng sâu nặng, nếu chẳng giảng Pháp Môn thành Phật viên mãn ngay trong một đời này thì làm sao gọi là đối xử đúng lẽ với con người cho được? Do vậy, hết thầy Chư Phật nhất định chẳng phụ bạc chúng sanh. Tận hư không, khắp pháp giới tuyên dương phổ biến Pháp Môn này, bất luận tu học bất cứ Pháp Môn nào, Thiền Tông, Giáo Hạ, Mật Tông, Giới Luật, sau khi tu thành tựu, đến cuối cùng đều về Thế Giới Hoa Tạng, Hoa Tạng là chỗ quy túc chung. Đến được Thế Giới Hoa Tạng rồi sẽ gặp Văn Thù, Phổ Hiền. Văn Thù, Phổ Hiền dạy mọi người niệm Phật cầu sanh về Thế Giới Cực Lạc hồng viên thành Phật đạo. Khi tôi giảng Quán Kinh, giảng đến phần ba thứ phước, thấy “tin sâu nhân quả” được xếp vào điều thứ ba. nếu xếp vào điều thứ nhất, tôi cũng chẳng hoài nghi một tí nào, nay tin sâu nhân quả lại xếp vào điều thứ ba, mà điều thứ ba là pháp tu của Bồ Tát. Tôi giảng Kinh cũng là giảng theo kiểu nuốt trọn quả táo, nhưng vẫn hoài nghi, tự hỏi Bồ Tát mà vẫn chẳng tin nhân quả hay sao? Nhiều năm sau mới biết “niệm Phật là nhân, thành Phật là quả”. Đây là cảnh giới của Phật, rất nhiều vị Bồ Tát chẳng biết. Chúng sanh trong chín pháp giới nếu không được bản nguyện và oai thần của Phật gia trì, sẽ đều chẳng tin tưởng. Chúng sanh thiện căn chưa chín muồi, Phật cũng chẳng gia trì được! Do vậy, Đại Sư nói: “Chúng sanh trong

chín pháp giới cây vào tự lực sẽ chẳng thể tin hiểu được”. Chữ “chư chúng sanh” riêng chỉ những kẻ tạo ác trong đời ác ngũ trược. Theo Thiệ Đạo Đại Sư, chữ “chư chúng sanh” trong Quán Kinh chỉ ba bậc Vãng Sanh thuộc hạ. Ba phẩm thuộc bậc Thượng là đại tâm phạm phu, ba phẩm thuộc bậc Trung là phạm phu tu thiện trong thế gian, ba phẩm thuộc bậc Hạ là phạm phu tạo ác. Chữ “nhất thiết thế gian” chỉ chung các hữu tình thế gian trong chín pháp giới.

(Giải) Tiền khuyến tín lưu thông, thị Chư Phật phó chúc. Thử Bốn Sư phó chúc, chúc ngữ lược biệt tòng thông, dẫn vân “nhất thiết thế gian” do tiền Chư Phật sở vân “nhữ đẳng chúng sanh”, đương tri Văn Thù, Ca Diếp đẳng, giai tại sở chúc dã.

(Giải: Đoạn Khuyến Tín Lưu Thông trong phần trước là lời dặn bảo của Chư Phật. Trong đoạn này là Đức Bốn Sư dặn bảo. Trong lời dặn bảo riêng này, chỉ nói đại lược, nhưng ý nghĩa vẫn giống như trong phần dặn bảo chung của mười phương Chư Phật. Trong phần trước, Chư Phật đã nói “chúng sanh các người”, cho nên biết Văn Thù, Ca Diếp v.v... đều thuộc trong số những người được Đức Phật căn dặn).

Trong phần Lưu Thông, ba tiểu đoạn Tín, Nguyện, Hạnh đến đây là hết. Tiếp theo đây là lời đức Giáo Chủ khen ngợi để kết

thức. Phần sáu phương Phật tán thán trong phần trước chính là vô lượng vô biên Chư Phật Như Lai dặn dò chúng ta, còn khuyên phát nguyện, khuyên hành trì là lời Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni dặn bảo. Lời dặn dò nằm trong phần Kinh Văn này, Kinh Văn khá giản lược, chỉ gồm hai từ ngữ “nhữ đẳng chúng sanh” và “nhất thiết thế gian”, nhưng bao gồm thánh phàm trong chín pháp giới. Văn Thù là thượng thủ của hàng Bồ Tát, Ca Diếp là thượng thủ trong hàng A La Hán, đều là đối tượng để Phật căn dặn.

(Kinh) Xá Lợi Phất! Đương tri ngã u ngũ trước ác thế, hành thử nan sự, đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, vị nhất thiết thế gian, thuyết thử nan tín chi pháp, thị vi thậm nan.

(Chánh Kinh: Nay Xá Lợi Phất! Hãy nên biết: Ta ở trong đời ác ngũ trước, làm chuyện khó khăn này, đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, vì hết thấy thế gian, nói pháp khó tin này, thật là rất khó).

Trong đoạn trước, Đại Sư đã nói: “Vì thế, niệm một tiếng A Di Đà Phật, chính là pháp để Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác trong đời ác ngũ trước” chính là dựa trên đoạn Kinh Văn ngắn ngủi này. Chúng ta niệm hằng ngày nhưng hoàn toàn chẳng nhận biết. Có người niệm Kinh A Di Đà, niệm nhuyễn như, nhưng nếu có ai hỏi: “Thích Ca Mâu Ni

Phật do tu Pháp Môn gì mà thành Phật?” liền lúng túng không biết đáp ra sao. Nếu Đại Sư không nhắc nhở, chúng ta vẫn cứ lơ mơ chẳng hiểu biết y như cũ. Đủ thấy Đại Sư có ân đức rất lớn đối với chúng ta.

(Giải) Tín nguyện trì danh nhất hạnh, bất thiệp thi vi, viên chuyển ngũ trược, duy tín nãi nhập, phi tư nghị sở hành cảnh giới. Thiết phi Bốn Sư, lai nhập ác thế, thị đắc Bồ Đề, dĩ đại trí, đại bi, kiến thử, hành thử, thuyết thử, chúng sanh hà do bầm thử dã tai! Nhiên ngô nhân xử Kiếp Trược trung, quyết định vị thời sở hữu, vị khổ sở bức, xử Kiến Trược trung, quyết định vị tà trí sở triền, tà sư sở hoặc. Xử Phiền Nã Trược trung, quyết định vị tham dục sở hãm, ác nghiệp sở thích. Xử Chúng Sanh Trược Trung, quyết định an u xú uế, nhi bất năng đồng giác, cam u liệt nhược, nhi bất năng phán phi. Xử Mạng Trược trung, quyết định vị vô thường sở thốn, thạch hỏa, điện quang, thổ thủ bất cập. Nhược bất thâm tri kỳ thậm nan, tương vị cánh hữu biệt pháp khả xuất ngũ trược, bông bột trạch lý, hý luận phân nhiên. Duy thâm tri kỳ thậm nan, phương khảng tử tận thâm tâm, bảo thử nhất hạnh. Thử Bốn Sư sở dĩ cực khẩu, thuyết kỳ nan thậm, nhi thâm chúc ngã đẳng đương tri dã. Sơ phổ khuyến cánh.

(Giải: Một hạnh tín nguyện trì danh, chẳng xen lẫn những hạnh nghiệp nào khác, chuyển biến trọn vẹn ngũ trược, chỉ có tin mới hòng chứng nhập, là cảnh giới chẳng thể do nghĩ bàn mà hòng thấu hiểu được. Nếu Đức Bốn Sư chẳng vào trong đời ác, thị hiện chứng đắc Bồ Đề, do đại trí, đại bi, thấy điều này, hành pháp này, giảng pháp này, chúng sanh sẽ do đâu mà nhận lãnh được pháp này vậy thay? Nhưng chúng ta sống trong Kiếp Trược, quyết định bị thời đại vây bủa, bị khổ não bức bách. Sống trong Kiến Trược, chắc chắn bị tà trí trói buộc, bị tà sư mê hoặc. Sống trong Phiền Nã Trược, chắc chắn bị tham dục vây hãm, bị ác nghiệp cắn rứt. Sống trong Chúng Sanh Trược, chắc chắn ở yên trong cảnh hôi nhơ mà chẳng thấu hiểu, cam lòng kém hèn, chẳng thể phấn chấn mạnh mẽ tiến lên. Ở trong Mạng Trược, chắc chắn bị vô thường nuốt mất, mạng người ngắn ngủi như tia lửa xẹt do đập vào đá, như ánh chớp, trở tay chẳng kịp. Nếu chẳng biết sâu xa thoát ly Ngũ Trược là cực khó, ắt sẽ ngỡ còn có một pháp nào khác để thoát khỏi Ngũ Trược, cứ hý luận rồi bời trong ngôi nhà lửa cháy bùng bùng. Chỉ có hiểu sâu xa thoát ly Ngũ Trược là rất khó thì mới chịu chết sạch tâm lòng mong ngóng so đo, quý báu một hạnh này. Đây chính là lý do vì sao Đức Bốn Sư cạn hết lời, bảo pháp này rất khó, lại còn tha thiết dặn dò chúng ta phải nên thấu hiểu. Đoạn lớn thứ nhất trong phần Lưu Thông là Phổ Khuyến hết).

“Tín nguyện trì danh nhất hạnh, bất thiệp thi vi”: “Thiệp” là thiệp cập (dính dáng), “thi vi” là chẳng dùng tới phương tiện, chẳng dùng những Pháp Môn nào khác để phụ trợ. chẳng dùng Thiên mà cũng chẳng dùng chú. Dùng ngay một câu Phật hiệu này bèn có thể chuyên biến trọn vẹn ngũ trụ. Trong thời rất gần đây, ở Đài Loan bị hạn hán thiếu nước, Quán Trưởng phát khởi lòng từ bi, tính thông báo Đạo Tràn tại Đài Bắc hãy cầu mưa, hỏi tôi cách thức cầu mưa. Trong Thiên Môn Nhật Tụng có Cầu Vũ Nghi Quy (nghi thức cầu mưa). Trong quá khứ, Liên Trì Đại Sư trụ tích tại Hàng Châu, có một năm Trời hạn hán. Quan Thái Thú Hàng Châu biết Đại Sư là bậc Cao Tăng hữu đức, thỉnh Ngài lập đàn cầu mưa. Đại Sư nói: “Tôi chỉ biết niệm Phật, chẳng biết cầu mưa, nhưng là chuyện cầu phước cho dân chúng thì cũng nên tùy hỷ”. Ngài liền dẫn đồ đệ niệm Phật suốt trên đường đi. Đại Sư đi tới đâu, Trời đổ mưa tới đó, cũng là kỳ tích. Trong truyện ký của Liên Trì Đại Sư có chép chuyện này. Bất luận cầu điều gì, chỉ một câu Phật hiệu thật sự đủ dùng rồi.

Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật xuất hiện trong thế gian, do đại trí, đại bi, thấy pháp trì danh niệm Phật này sẽ thành Phật, bèn đích thân thực hành, và nói cho chúng ta biết, chúng ta mới biết ân đức lớn lao của Phật. Sống trong cõi đời như bản này, giống như tù

nhân bị nhốt chặt trong ngục khó trốn, lại không may gặp phải thời pháp yếu, ma mạnh. Đạo Tràn chánh pháp phần nhiều điêu hiu. ngược lại, Đạo Tràn của tà sư đông đúc. Chúng ta tự thẹn đạo đức, định lực chẳng đủ, trước hết, hãy nên thành tựu chính mình, đừng bị mê hoặc, trói buộc bởi tà trí, tà sư. Hãy nên biết rằng: Trong đời này, không ai chẳng tham, tham là hàm bầy. Tham tiếng tăm, lợi dưỡng thế gian, ngũ dục, lục trần chính là hàm bầy tam ác đạo. Tham pháp xuất thế gian thì vẫn là cạm bẫy tam ác đạo. Đức Phật bảo chúng ta trừ khử tâm tham, chứ không bảo chúng ta thay đổi đối tượng tham lam. Nếu có Pháp Môn nào chưa học, đợi đến Tây Phương hãy học cũng chẳng muộn. Trong giai đoạn hiện thời, nhất tâm nhất ý cầu sanh Tịnh Độ. Trong xã hội hiện thời, đại đa số con người tâm chẳng thanh tịnh, tranh danh, đoạt lợi, đều là tạo ác, điều sai chông chát mãi sẽ trở thành đung. Nếu chẳng tùy thuận thế tục, đâm ra sẽ bị coi như kẻ quái dị. Vì thế, chúng ta phải độc lập, độc hành thì mới có thể thoát khỏi người đời dị nghị.

“Bồng bột trạch lý, hý luận phân nhiên” (trong căn nhà cháy bùng bùng, toi bời hý luận): Trong căn nhà khói lửa mù mịt như thế, người tỉnh táo sẽ gấp rút chạy thoát thân, kẻ mê hoặc vẫn ở trong nhà thảo luận, nghiên cứu. Chỉ có thấu hiểu tam giới rất khó thoát lìa, mới chịu chết sạch những ý nghĩ

chụp giựt, cầu may, coi một câu A Di Đà như thần chú cứu mạng hết sức quý báu.

4.3.2. Kết khuyến

(Kinh) Phật thuyết thử Kinh dĩ, Xá Lợi Phất, cập chư Tỳ Kheo, nhất thiết thế gian, thiên, nhân, A Tu La đấng, văn Phật sở thuyết, hoan hỷ tín thọ, tác lễ nhi khứ.

(Giải) Pháp Môn bất khả tư nghị, nan tín, nan tri, vô nhất nhân năng phát vấn giả. Phật trí giám cơ, tri chúng sanh thành Phật duyên thực, vô vấn tự thuyết, linh đắc tứ ích, như thời vũ hóa. Cố “hoan hỷ tín thọ” dã. Thân tâm di duyệt, danh “hoan hỷ”. Hào vô nghi nghị, danh “tín”. Lãnh nạp bất vong, danh “thọ”. Cảm đại ân đức, đầu thân quy mạng, danh “tác lễ”. Y giáo tu trì, nhất vãng bất thoái, danh “nhi khứ”.

(Chánh Kinh: Đức Phật nói Kinh này xong, Ngài Xá Lợi Phất và các vị Tỳ Kheo, hết thấy thế gian, Trời, người, A Tu La v.v... nghe lời Phật dạy, hoan hỷ tin nhận, làm lễ, lui ra.

Giải: Pháp Môn chẳng thể nghĩ bàn, khó tin, khó biết, không một ai có thể nêu câu hỏi. Đức Phật dùng trí huệ xét soi căn cơ, biết duyên thành Phật của chúng sanh đã chín, bèn không ai hỏi tự nói, khiến cho mọi người được bốn thứ lợi ích, giống như trận mưa đúng thời khiến cho muôn loài tăng trưởng. Vì thế, đại chúng

“hoan hỷ tín thọ” (hoan hỷ tin nhận). Thân tâm vui sướng gọi là “hoan hỷ”. Chẳng nghi ngờ mảy may, gọi là “tín”. Lãn nhận chẳng quên mất, gọi là “thọ” (nhận). Cảm kích ân đức lớn lao, gieo toàn thân quy mạng, gọi là “tác lễ”. Vâng theo lời dạy tu trì, thẳng tiến chẳng lui sụt, gọi là “nhi khứ”).

Tuy Đức Thế Tôn gọi Ngài Xá Lợi Phất, mà Ngài Xá Lợi Phất từ đầu đến giờ chẳng thừa một câu. Đối với chuyện này, Ngài chẳng biết một điều nào, cho thấy Pháp Môn này chẳng thể nghĩ bàn, khó tin, khó biết. Đây là cảnh giới viên mãn nơi quả địa Như Lai, Phật dùng trí huệ viên mãn xét soi chúng sanh, thấy cơ duyên của họ đã chín muồi, không ai hỏi tự nói, nói ra bộ Kinh A Di Đà này. Chúng ta nghe xong, nếu hoan hỷ tin nhận, liền được bốn nguyện và oai thần của Chư Phật Như Lai gia trì, giống như mưa ngọt đúng lúc, thân tâm vui sướng, đối với lời Phật nói chẳng hoài nghi mảy may, hoàn toàn tiếp nhận lời Phật Giáo huấn, cảm tạ ân đức khôn sánh của Đức Thế Tôn, nương theo lời dạy tu trì. Pháp hội đã giải tán nhưng tu hành mới bắt đầu. Chính mình phải vui mừng, chớ phụ bạc thiện căn từ vô lượng kiếp của chính mình, đừng phụ bạc Chư Phật gia trì, đừng phụ bạc Thích Ca Mâu Ni Phật buốt lòng rát miệng vì chúng ta nói ra Pháp Môn này, mà cũng đừng phụ rầy Ngẫu Ích Đại Sư đã giải thích cặn kẽ trong

cuốn Di Đà Yếu Giải này, khiến cho chúng ta có thể trên báo bốn ân, dưới cứu tam khổ. Hôm nay đã giảng đến ngày thứ bốn mươi tám, viên mãn vừa khéo. Cảm ơn quý vị.

Phụ lục Ngẫu Ích Đại Sư bạt

Kinh vân: “Mạt pháp ức ức nhân tu hành, hãn nhất đắc đạo. Duy y niệm Phật đắc độ”. Ô hô! Kim chánh thị kỳ thời hỹ! Xả thử bất tư nghị Pháp Môn, kỳ hà năng thực? Húc xuất gia thời, tông thừa tự phụ, miểu thị giáo điển, vọng vị trì danh, khúc vi trung hạ. Hậu nhân đại bệnh, phát ý Tây quy. Phục nghiên Diệu Tông, Viên Trung nhị sao, cập Vân Thê Sớ Sao đẳng thư, tri kỳ Niệm Phật Tam Muội, thật vô thượng bảo vương, phương khảng tử tâm, chấp trì danh hiệu, vạn ngu ru mặc vãn dã. Ngô hữu Khứ Bệnh, cứu sự Tịnh nghiệp, dục linh thử Kinh đại chỉ, từ bất phiền, nhi bình trước, thỉnh dư vị thuật Yếu Giải. Dư dục phổ dĩ pháp giới hữu tình đồng sanh Cực Lạc, lý bất khả khước, cử bút vu Đỉnh Hối cứu nguyệt nhị thập hữu thất, thoát cảo u thập nguyệt sơ ngũ, phàm cứu nhật cáo thành. Sở nguyện nhất cú, nhất tự, hàm tác tư lương, nhất kiến, nhất văn, đồng giai Bất Thoái. Tín nghi giai thực đạo chủng, tán báng đẳng quy giải thoát. Ngưỡng duy Chư Phật, Bồ Tát, nhiếp thọ chứng minh, đồng học hữu nhân tùy hỷ gia bị.

Tây Hữu đạo nhân Ngẫu Ích Trí Húc các bút cổ bạt, thời niên tứ thập hữu cửu.

Lời bạt của Ngẫu Ích Đại Sư

Kinh dạy: “Trong đời Mạt Pháp, ỨC ỨC người tu hành, HIẾM CÓ MỘT AI ĐẮC ĐẠO, CHỈ CÓ NUONG VÀO PHÁP NIỆM PHẬT THÌ MỚI ĐẮC ĐỘ”. Than ôi! Nay đúng nhằm thời ấy vậy. Bỏ Pháp Môn chẳng thể nghĩ bàn này, thì còn cậy vào đâu để giải thoát cho được? Húc tôi lúc xuất gia, tự phụ là người thuộc Thiên Tông, coi thường những Kinh Điển thuộc Giáo môn, nói xằng “phép trì danh là pháp quyền biến nhằm phù hợp căn tánh của những kẻ trung căn và hạ căn”. Về sau, do bệnh ngặt nghèo, mới phát tâm quy Tây. Lại nghiên cứu hai bộ Viên Trung Sao và Diệu Tông Sao, và sách Sớ Sao của Ngài Vân Thê, mới biết Niệm Phật Tam Muội quả thật là vua báu vô thượng, mới chịu chết sạch tâm lòng mong ngóng, so đo, chấp trì danh hiệu, một vọn con trâu cũng không lôi lại được. BẠN TÔI LÀ ông Khử Bệnh, tu Tịnh nghiệp đã lâu, muốn cho tông chỉ của Kinh này nêu tỏ rạng ngời mà lời lẽ giảng giải đơn giản, xin tôi viết lời giải thích những điểm trọng yếu. Tôi muốn làm cho hữu tình trong khắp pháp giới đều cùng sanh về Cực Lạc, xét theo lý chẳng thể chối từ được, bèn cầm bút viết từ ngày Hai Mươi Bảy tháng Chín năm Đinh Hợi (1647), đến ngày mồng Năm tháng Mười là hoàn

thành, tổng cộng viết xong trong chín ngày. Kính mong mỗi một câu, mỗi một chữ đều là tư lương cho người tu Tịnh nghiệp. Ai thấy, ai nghe cũng đều đạt lên Bất Thoái. Người tin tưởng hay nghi ngờ, kẻ khen ngợi hay hủy báng đều cùng về giải thoát. Ngưỡng mong Chư Phật, Bồ Tát nhiếp thọ, chứng minh, các bạn đồng học tùy hỷ gia bị.

Tây Hữu đạo nhân Ngẫu Ích Trí Húc gác bút.

(Đề lời bạt này vào năm bốn mươi chín tuổi).

Phật Thuyết A Di Đà Kinh Yếu Giải Giảng Ký Trọn bộ

(Hoàn thành thảo bản ngày 22 tháng 09 năm 2010

Giáo duyệt lần hai ngày 30 tháng 8 năm 2011)

Hồi Hương

Nếu việc chuyên ngữ này có chút công đức nào đều xin hồi hướng cho cha mẹ hiện tiền và quá vãng, sư trưởng, Bản Sư Thượng Tọa Thích Giải Thắng (trụ trì Bửu Quang Tự, quận 7, Sài Gòn), lịch đại Tổ Tiên, cừu gia oán đối nhiều đời nhiều kiếp, các liên hữu cùng hết thấy hữu tình hàm thức trong mười phương pháp giới đều cùng Vãng Sanh Cực Lạc quốc. Xin đặc biệt trân trọng hồi hướng công đức này đến các liên hữu Vạn Từ, Minh Tiến, Huệ Trang, Đức Phong và Chơn Phù đã tốn không ít thời gian và công

sức giáo duyệt, sửa chữa bản dịch Trong quá trình chuyển ngữ, do kiến thức nông cạn, hiểu biết nội điển kém cỏi, tâm trí si ám, nghiệp chướng trùng trùng chắc chắn sẽ phạm rất nhiều lỗi sai lầm không thể chấp nhận được, ngưỡng xin Tam Bảo từ bi gia hộ khiến cho chúng đệ tử tội chướng tiêu trừ, không đến nỗi đọa lạc, không đến nỗi biến diệu dục cam lộ thành độc dục.

Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa đê đầu hòa nam kính bạch.